

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN THOẠI SƠN**

Thoại Sơn, năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN THOẠI SƠN**

Ngày tháng năm 2023
SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
(Ký tên, đóng dấu)

Thoại Sơn, năm 2023

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
I. SỰ CẦN THIẾT	1
II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU	1
III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN.....	3
IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH	4
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	5
VI. BỐ CỤC BÁO CÁO	5
VII. SẢN PHẨM KẾ HOẠCH.....	6
PHẦN I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.....	7
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	7
I.1. Điều kiện tự nhiên.....	7
I.2. Các nguồn tài nguyên	9
I.3. Thực trạng môi trường.....	13
I.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	14
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI.....	14
II.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	14
II.2. Thực trạng phát triển ngành các kinh tế.....	15
II.3. Dân số, lao động và việc làm.....	17
II.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	17
II.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.....	18
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.....	21
III.1. Những kết quả đạt được.....	21
III.2. Những hạn chế	21
PHẦN II KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	23
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	23
I.1. Đất nông nghiệp.....	25
I.2. Đất phi nông nghiệp	26
I.3. Đất chưa sử dụng	31

I.4. Nhận xét đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2023	32
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN.....	32
II.1. Kết quả thực hiện danh mục dự án có thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2023	32
II.2. Kết quả công trình dự án thực hiện thủ tục hành chính năm 2023.....	38
II.3. Nhận xét kết quả thực hiện dự án.....	39
III. KẾT QUẢ KHAI THÁC ĐẤT CÔNG.....	39
IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG MẶT ĐƯỢC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.....	41
IV.1. Những mặt đạt được	41
IV.2. Những tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	41
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT	42
II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH LĨNH VỰC	46
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất các năm trước chưa thực hiện hết.....	47
2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong năm 2024	51
2.3. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, các nhân	51
2.4. Danh mục khai thác các khu đất công trong năm 2024.....	52
III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	52
3.1. Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp xác định năm 2024.....	55
3.2. Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp xác định năm 2024.....	56
3.3. Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng xác định năm 2024.....	59
IV. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	59
V. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI.....	60
VI. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	60
VII. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN	60
1. Danh mục công trình dự án năm 2024.....	60
2. Danh mục khai thác đất công năm 2024.....	60
VII. DỰ KIẾN THU CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2024	65
7.1. Cơ sở pháp lý để tính toán các khoản thu chi liên quan đến đất đai.....	65

7.2. Phương pháp tính toán	65
7.3. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất	66
PHẦN IV GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN	68
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	68
II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	68
II.1. Công tác quản lý và tổ chức thực hiện	68
II.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện	69
III. GIẢI PHÁP VỀ TUYÊN TRUYỀN	69
IV. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC VỐN ĐẦU TƯ	69
V. GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	69
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	71
I. KẾT LUẬN	71
II. KIẾN NGHỊ	71

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phải lập hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 148/2014/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo quy định hàng năm UBND huyện phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định trong quý III, sau đó thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt tháng 12 hàng năm và tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt. Đồng thời theo quy định này, những công trình, dự án không có trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì không được phép thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức và cá nhân phục vụ mục tiêu xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất. Do đó, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là cần thiết, nhằm đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy định của pháp luật.

Xuất phát từ những nguyên nhân nêu trên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn tham mưu UBND huyện tổ chức lập “*Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn*” để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp...

II. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

II.1. Mục đích

- Xác định cụ thể diện tích các loại đất sử dụng vào các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp; phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến từng đơn vị hành chính các xã, thị trấn.
- Thực hiện triển khai đầu tư các dự án, công trình thúc đẩy sự phát triển của các ngành; đảm bảo an ninh, quốc phòng;
- Làm căn cứ pháp lý cho việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho

thuê đất, thu hồi đất.

- Làm cơ sở để quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững.

II.2. Yêu cầu

- Kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Thoại Sơn đến năm 2030. Đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn tài nguyên đất đai tiết kiệm, có hiệu quả và khả năng bố trí nguồn vốn thực hiện công trình, dự án đã đăng ký trong năm kế hoạch.

II.3. Nhiệm vụ

- Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu về nhu cầu sử dụng đất và các dự án sử dụng đất do các ngành, lĩnh vực, UBND các xã, thị trấn xác định và đề xuất.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các

điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án có sử dụng đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

- Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.

- Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ.

- Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Các phương pháp liệt kê sau đây được sử dụng trong việc xây dựng thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất huyện Thoại Sơn:

- Phương pháp thu thập tài liệu và điều tra, khảo sát thực địa: Đây là phương pháp được dùng để thu thập các tài liệu, số liệu, bản đồ, thông tin có liên quan đến nội dung lập kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở để điều tra, đối soát số liệu đã có về: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho thuê đất, bồi thường, giải tỏa, tái định cư,... theo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập được tiến hành phân loại, chọn lọc, hệ thống các tài liệu có giá trị sử dụng sẽ được đưa vào nội dung lập kế hoạch sử dụng đất.

- Phương pháp thống kê, so sánh và phân tích: Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được, tiến hành phân nhóm, thống kê theo từng chỉ tiêu; tổng hợp, so sánh phân tích các yếu tố tác động đến việc thực hiện phương án lập Kế hoạch sử dụng đất. So sánh các chỉ tiêu thực hiện so với mục tiêu đề ra trong Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt, nhằm đánh giá những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện để rút ra bài học kinh nghiệm.

- Phương pháp xử lý số liệu, minh họa trên bản đồ: Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán phân

tích theo các bảng, biểu được hướng dẫn tại thông tư số 01/2021/TT-BTNMT. Các loại đất theo mục đích sử dụng được khoanh vẽ trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất, việc khoanh vẽ bản đồ ứng dụng các phần mềm như: Microstation, MapInfor, Autocad...

IV. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

IV.1. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Công văn số 2357/STNMT-ĐĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

IV.2. Cơ sở xây dựng kế hoạch sử dụng đất

- Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
- Kế hoạch sử dụng đất các năm 2021 - 2023 huyện Thoại Sơn;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thoại Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Các quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn mới trên địa bàn huyện Thoại Sơn;

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang từ năm 2020 – 2023 về danh mục dự án thu hồi đất và có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành; các xã, thị trấn của huyện Thoại Sơn; các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân;

- Thống kê đất đai năm 2022 huyện Thoại Sơn và cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023;

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản hướng dẫn lập Kế hoạch sử dụng đất 2024.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các Sở, ngành cấp tỉnh, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong và ngoài tỉnh đăng ký danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất thực hiện trong năm 2024.

- UBND huyện Thoại Sơn ban hành Thông báo về việc đăng ký thực hiện dự án sử dụng đất thực hiện trong năm 2024 đến các cơ quan ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong và ngoài huyện.

- Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Tài nguyên - Môi trường An Giang là đơn vị tư vấn lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định sản phẩm, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 2024.

- UBND huyện Công bố, công khai và bàn giao sản phẩm.

VI. BỐ CỤC BÁO CÁO

Nội dung của báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn bao gồm:

Đặt vấn đề

Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

Phần II: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm trước

Phần III: Lập Kế hoạch sử dụng đất 2024

Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất

Kết luận và kiến nghị.

VII. SẢN PHẨM KẾ HOẠCH

Sản phẩm của Kế hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 50 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn (05 bộ).
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn, tỷ lệ 1/25.000 (05 bộ).
- Đĩa CD lưu trữ các sản phẩm trên.

Các sản phẩm trên, sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt sẽ được lưu trữ tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang: 01 bộ;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang: 01 bộ;
- Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn: 01 bộ;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn: 01 bộ;
- Ủy ban nhân dân cấp xã: 01 bộ.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

I.1. Điều kiện tự nhiên

I.1.1. Vị trí địa lý

Thoại Sơn nằm về phía Đông Nam của tỉnh An Giang, thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên, Trung tâm huyện lỵ là thị trấn Núi Sập (đạt đô thị loại IV vào năm 2015) cách TP. Long Xuyên khoảng 25 km về hướng Đông Bắc, cách TP. Châu Đốc khoảng 80 km về hướng Bắc, cách TP Rạch Giá – Tỉnh Kiên Giang khoảng 25 km về phía Tây Nam và cách TP.Cần Thơ khoảng 70 km về phía Nam. Huyện có toạ độ địa lý trong khoảng từ 10⁰16'09" đến 10⁰22'22" vĩ độ Bắc và từ 105⁰05'51" đến 105⁰26'20" kinh độ Đông. Địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Long Xuyên.
- Phía Tây giáp huyện Tri Tôn.
- Phía Nam giáp tỉnh Kiên Giang và thành phố Cần Thơ.
- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành.

Diện tích tự nhiên của toàn huyện là 47.103,78 ha (số liệu thống kê năm 2020) chiếm 13,31% diện tích của tỉnh, lớn thứ hai tỉnh (sau huyện Tri Tôn). Dân số 163.335 người, mật độ dân số trung bình đạt 347 người/km² (niên giám thống kê huyện Thoại Sơn). Đông dân thứ 5 so với các huyện khác của tỉnh.

Về đơn vị hành chính, Thoại Sơn gồm có 3 thị trấn: Núi Sập, Phú Hòa, Óc Eo và 14 xã gồm: Tây Phú, An Bình, Vĩnh Phú, Vĩnh Trạch, Phú Thuận, Vĩnh Chánh, Định Mỹ, Định Thành, Mỹ Phú Đông, Vĩnh Khánh, Thoại Giang, Bình Thành, Vọng Đông và Vọng Thê.

I.1.2. Địa hình, địa mạo

Thoại Sơn có địa hình thuộc bán sơn địa (vừa có núi vừa có đồng bằng). Địa hình của huyện có cao độ thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, cao độ trung bình dao động trong khoảng 0,8 - 1,2m (khu vực đồng bằng). Nơi có địa hình thấp nhất tập trung chủ yếu thuộc địa bàn xã Bình Thành, có nơi cao độ rất thấp khoảng 0,3m so với mực nước biển. Nơi có địa hình cao nhất tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc Eo, xã Vọng Đông và một phần xã An Bình, nơi tập trung những đồi núi vừa và nhỏ. Đặc biệt khu vực núi Ba Thê thuộc thị trấn Óc Eo có nơi cao độ lên đến trên 200m.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Thoại Sơn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm. Trong năm, có mùa mưa và mùa khô, nền nhiệt tương đối cao và ổn định, lượng mưa nhiều và phân bố theo mùa, mang đặc tính khí hậu chung của tỉnh An Giang.

- **Nhiệt độ:** Tương đồng với nền nhiệt của tỉnh, tuy nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu vùng Tây Nam Bộ, nhưng với địa hình đồi núi đan xen đồng bằng, đã tạo cho Thoại Sơn có nền nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm cao hơn ở các vùng khác. Nhiệt độ không khí bình quân năm đạt $27,7^{\circ}\text{C}$, dao động trong khoảng $25,3^{\circ}\text{C}$ - $29,4^{\circ}\text{C}$.

- **Lượng bốc hơi và độ ẩm không khí:** Lượng bốc hơi nước trên địa bàn huyện Thoại Sơn thay đổi theo mùa, mùa khô lượng bốc hơi nước tương đối lớn, thường chiếm khoảng 2/3 lượng bốc hơi nước của cả năm. Lượng bốc hơi bình quân hàng năm đạt từ 1.200 mm - 1.350 mm/năm. Tháng 3 và 4 có lượng bốc hơi lớn nhất (trên 160mm/tháng), tháng 9 và tháng 10 có lượng bốc hơi tương đối nhỏ (khoảng 80mm/tháng).

Độ ẩm không khí: tháng thấp nhất đạt 65,8% và tháng cao nhất đạt 82,7%, trung bình năm đạt 76,6%.

- **Lượng mưa:** Chế độ mưa của huyện phân hóa thành 2 mùa rõ rệt, sự thay đổi lượng mưa giữa các tháng trong năm tương đối phức tạp nhưng mức độ biến động không lớn. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và lượng mưa tập trung vào các tháng từ tháng 7 đến tháng 11. Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến cuối tháng 4 năm sau, tổng lượng mưa trong năm đạt 1419mm/năm.

- **Nắng:** Tổng số giờ nắng trong đạt 2514 giờ/năm, tháng có số giờ nắng thấp nhất đạt 173 giờ, tháng cao nhất đạt 273 giờ.

- **Gió:** Chế độ gió của huyện khá thuận với 2 chế độ gió mùa rõ rệt. Từ tháng 5 đến tháng 11 có gió mùa Tây Nam, Nam - Tây Nam mang theo hơi nước từ biển Đông về tạo mưa; từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau là gió mùa Đông Bắc, Bắc - Đông Bắc có đặc điểm lạnh và khô; tốc độ gió trung bình trong năm tương đối mạnh, đạt khoảng 3m/s. Thoại Sơn trong những năm qua ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, các hiện tượng lốc xoáy thỉnh thoảng xảy ra trong mùa mưa nhưng tần suất thấp nên mức độ ảnh hưởng không lớn.

Tóm lại, với nền nhiệt cao và đều trong năm, nhiều nắng, mưa theo mùa và không có bão, điều kiện khí hậu của huyện khá thuận lợi cho việc phát triển các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp lẫn phi nông nghiệp.

1.1.4. Chế độ thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện phụ thuộc chủ yếu vào chế độ bán nhật triều không đều, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy sông Hậu cùng các yếu tố khác như: chế độ gió, chế độ mưa, đặc điểm địa hình, địa mạo và hình thái kênh, rạch,...Mức nước đỉnh triều cao nhất trên sông Hậu là 2,63m và mức nước thấp nhất là 0,79m.

Kênh Rạch Giá - Long Xuyên nối sông Hậu tại Long Xuyên kéo dài theo hướng Tây Nam, ngang qua thị trấn Núi Sập, tiếp giáp với sông Kiên Giang đổ ra biển Tây tại cửa biển Rạch Giá, lưu lượng trung bình năm khoảng 3.000m³/giây (lưu lượng vào mùa mưa khoảng 4.500m³/giây, vào mùa khô khoảng 2.000m³/giây). Hàng năm vào mùa nước nổi, Thoại Sơn thường ít bị thiệt hại hơn so với các địa bàn khác trong tỉnh do địa hình trung bình tương đối cao, trên 98% diện tích đất canh tác được đê bao kiểm soát lũ, cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện.

Ngoài ra còn có nhiều kênh rạch tự nhiên vừa phục vụ cho tưới tiêu trong sản xuất, vừa phục vụ cho sinh hoạt và giao thông đường thủy. Hệ thống kênh đào gồm các kênh chính như: Kênh ranh Thoại Sơn - Tri Tôn, Kênh Tân Vọng, Kênh Trục, Kênh Bốn Tổng... Hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo đất, cung cấp lượng phù sa màu mỡ và là hệ thống thoát lũ ra biển Tây. Bên cạnh đó, nguồn nước mưa tương đối lớn thuận lợi cho việc tích trữ sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

I.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo tài liệu thổ nhưỡng Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang do trường Đại học An Giang xây dựng năm 2005, trên địa bàn huyện Thoại Sơn có các loại đất như sau:

* *Nhóm đất cát núi*: diện tích 926 ha, chiếm 1,97% tổng diện tích tự nhiên.

- Eutric Leptosols (ký hiệu LPe, đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá). Đặc điểm của loại đất này là có tầng mặt rất mỏng, thường không dày hơn 30cm. Sa cấu của loại đất này phần lớn là cát và các thành phần không phải là đất (cấp hạt có đường kính >2mm), cùng với xác bã hữu cơ. Do bị rửa trôi hàng năm nên các nguyên tố dinh dưỡng của loại đất này rất kém, chỉ thích hợp cho việc trồng các loại cây lâu năm có bộ rễ ăn sâu hoặc trồng rừng. Đất này tập trung chủ yếu ở địa bàn thị trấn Óc Eo, thị trấn Núi Sập, xã An Bình và xã Vọng Đông.

* *Nhóm đất phù sa*: 44.985 ha, chiếm 95,50% tổng diện tích tự nhiên. Gồm 3 loại đất chính.

- Fluvi Mollic Gleysols (ký hiệu GLmf, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng khá, có dấu tích phù sa bồi): có diện tích 5.619 ha, chiếm 11,98% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất có đặc tính fluvic ít nhất là một tầng đất trong suốt phẫu diện. Tuy nhiên, đặc tính chủ yếu của biểu loại đất này là đặc tính glây, xuất hiện trong vòng 50 cm lớp đất mặt. Khác với các biểu loại đất phù sa không phèn khác, biểu loại đất này có tầng mặt tương đối dày, thường là 25 cm hay sâu hơn (đôi khi mỏng hơn tùy theo độ dày của solum). Tầng mặt này có màu sậm do tích tụ chất hữu cơ. Độ bão hòa base > 50% chứng tỏ độ phì tiềm tàng cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng. Tuy nhiên, cần thận trọng trong việc bón phân dư thừa trên các vùng thâm canh cao, điều này có thể dẫn đến việc tăng đặc tính hóa học không có lợi cho đất. Hiện tại phần lớn diện tích của loại đất này trên địa bàn huyện Thoại Sơn là dùng để canh tác nông nghiệp (trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản, cây lâu năm...). Loại đất này tập trung chủ yếu ở thị trấn Phú Hòa, xã Phú Thuận, xã Vĩnh Chánh và một phần xã Vĩnh Trạch.

- Umbric Gleysols (ký hiệu GLu, đất glây, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém): có diện tích 6.203 ha, chiếm 13,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Vĩnh Trạch, Vĩnh Phú, Vọng Thê, Vọng Đông và một phần xã Định Mỹ. Đặc tính của loại đất này là có tầng mặt tương đối dày thường là 25cm hoặc cao hơn, có màu hơi sậm do tích tụ nhiều chất hữu cơ. Tuy nhiên, độ bão hòa base < 50, đây là dấu hiệu chứng tỏ độ phì tiềm tàng thấp. Vì thế khi canh tác cần bố trí mùa vụ thích hợp hoặc có biện pháp canh tác hợp lý.

- Humi Umbric Gleysols (ký hiệu GLuh, đất glây, đọng mùn, dinh dưỡng kém): có diện tích 33.163 ha, chiếm 70,73% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất có sự tích tụ mùn ở tầng mặt tương đối dày, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là cây trồng cạn. Hiện trạng loại đất này chủ yếu dùng để canh tác lúa và các loại hoa màu. Đây cũng là loại đất hầu hết phổ biến ở 17 xã, thị trấn của huyện.

* *Nhóm đất phèn*: 1.157,88 ha, chiếm 2,46% tổng diện tích tự nhiên. Gồm có 3 loại đất chính.

- Dystri–Orthi–Endo Thionic Fluvisols, with jarosite (ký hiệu FLt(oenj)d, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, có phù sa bồi): có diện tích 10,95 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phẫu diện trong các tầng đất khác nhau ở độ sâu hơn 50 cm. Tầng mặt thường mỏng, và độ bão hòa base thấp là những yếu tố kết hợp gây bất lợi cho cây trồng, nên khi bón phân cần kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn

cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung. Loại đất này tập trung duy nhất ở địa bàn xã Vọng Thê.

- Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols (ký hiệu GLt(oen)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm jarosite, glây): có diện tích 999 ha chiếm 2,23% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở các xã Tây Phú, An Bình và một phần xã Vọng Thê. Đây là loại đất phèn trung bình, không có đốm jarosite trong phẫu diện đất. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Nhìn chung loại đất này thích nghi với nhiều loại cây trồng.

- Umbri–Orthi–Endo Thionic Gleysols, with jarosite (ký hiệu GLt(oenj)u, đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, có đốm jarosite, glây): có diện tích 148 ha, chiếm 0,32% diện tích tự nhiên, tập trung duy nhất ở địa bàn thị trấn Núi Sập. Đây là loại đất phèn trung bình, thường tìm thấy đốm jarosite trong phẫu diện đất ở các tầng đất khác nhau, thường ở độ sâu hơn 50 cm. Loại đất này có tầng mặt khá dày (thường dày tối thiểu 25 cm, hay có khi mỏng hơn, tùy theo độ dày của solum), và có màu sậm (chứng tỏ có chứa hàm lượng chất hữu cơ khá). Tuy nhiên, tầng mặt dày này lại có độ phì tiềm tàng thấp (độ bão hòa base < 50%). Do đó, trong quá trình canh tác cần bón kết hợp thêm phân hữu cơ bên cạnh phân lân vốn cần thiết cho đất phèn hoạt động nói chung.

1.2.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt hiện nay được xem là nguồn nước chủ lực phục vụ tưới tiêu cho hầu hết diện tích đất canh tác nông nghiệp. Ngoài việc sử dụng nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực sản xuất khác, nguồn nước mặt còn là nguồn cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu cho các hộ dân, cho các nhà máy chế biến và nuôi trồng thủy sản... Nguồn nước mặt của huyện được cung cấp chủ yếu từ kênh Rạch Giá - Long Xuyên với chiều dài chảy qua địa phận huyện Thoại Sơn khoảng 31km. Lưu lượng nước của kênh trung bình khoảng 3.000m³/giây nên khả năng dẫn nước vào các kênh, rạch nội đồng là khá lớn, đủ sức cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất kể cả trong những tháng mùa khô.

Nhìn chung, lưu lượng và trữ lượng nước mặt trên địa bàn huyện Thoại Sơn hầu hết là nước ngọt và khá dồi dào, đây là điều kiện thuận lợi để huyện phát triển nông nghiệp và các ngành thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp. Nhưng bên cạnh việc khai thác và sử dụng nguồn nước mặt thì địa phương cũng cần có

những chính sách quản lý nguồn nước chặt chẽ hơn nhằm hướng đến một môi trường trong sạch, bền vững.

Theo nhận định và nghiên cứu của nhiều chuyên gia thì nước ngầm của huyện Thoại Sơn có trữ lượng rất lớn. Qua kết quả khảo sát của Cục quản lý tài nguyên nước, An Giang là một trong những tỉnh có nguồn nước ngầm tương đối dồi dào nhưng cũng là tỉnh đứng hàng đầu của đồng bằng sông Cửu Long về mức độ nhiễm Asen trong nước ngầm.

Vì thế trong quá trình quản lý và sử dụng, địa phương cần có những biện pháp khắc phục để nguồn tài nguyên nước ngầm của huyện ngày càng phát huy hiệu quả, nhằm gánh bớt được phần nào về nhu cầu sử dụng nguồn nước mặt nhưng đang có nguy cơ và nhiều tiềm ẩn ô nhiễm như hiện nay.

1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Một số tài nguyên khoáng sản được đánh giá có trữ lượng lớn như đá xây dựng và nước khoáng chứa khoáng silic. Ngoài các loại đá granit đã được khai thác, các nhà nghiên cứu còn tìm thấy những mạch pegmatit chứa trăn kali và natri rất quý cho công nghiệp sản xuất gốm sứ. Một số vùng rìa tiếp xúc giữa đá granit với đá thông thường, xung quanh phát hiện một số loại đá quý khác như hồng ngọc, thạch anh ám khói, thạch anh tím trong các mạch pegmatit, tập trung nhiều ở núi Ba Thê thuộc địa bàn thị trấn Óc Eo.

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu còn phát hiện ra một loại khoáng sản vô cùng quý hiếm đó là gốm đen có trữ lượng rất lớn. Điểm nổi bật của gốm đen là có thể nổi trên mặt nước. Hiện nay, đã có chương trình phối hợp với tỉnh An Giang hoàn chỉnh quy trình chế tác và nung thành công gốm đen thuộc nền văn minh Óc Eo, nhằm khôi phục và phát huy nghệ thuật truyền thống về đồ gốm cổ của địa phương.

Nhìn chung, nguồn tài nguyên khoáng sản của huyện khá dồi dào, có giá trị kinh tế khá cao. tiềm năng khai thác khá phong phú và điều kiện khai thác cũng tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác địa phương nên cân nhắc đến tính hiệu quả về kinh tế - xã hội cũng như những biến đổi bất lợi về môi trường trong tương lai.

1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Thoại Sơn đây được xem là vùng đất huyền thoại của tỉnh An Giang, có nhiều di tích lịch sử văn hóa với những công trình kiến trúc nghệ thuật, những danh lam thắng cảnh và đặc biệt là những di chỉ khảo cổ ghi đậm dấu ấn lịch sử tồn tại lâu đời. Từ những hiện vật phát hiện được ở quần thể di tích phân bố trên sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo, chứng minh sự tồn tại của vương quốc

Phù Nam - một vương quốc thịnh trị, có tầm ảnh hưởng bao trùm cả vùng Nam bộ từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 7. Một số di tích nổi tiếng điển hình như: Khu di tích khảo cổ nền văn minh Óc Eo được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt, 02 bia đá và tượng phật 4 tay là di tích kiến trúc nghệ thuật tại thị trấn Óc Eo, bia Thoại Sơn tại đình thần Thoại Ngọc Hầu cũng được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Đặc biệt, với sự phát triển Thiền Viện Trúc Lâm An Giang, được xây dựng từ năm 2017 với quy mô diện tích 11 ha, tọa lạc tại Khu Du Lịch lòng hồ số 2 thuộc thị trấn Núi Sập, trở thành một danh lam thắng cảnh mới vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh tín ngưỡng của Nhân dân; vừa tạo thêm cảnh quan du lịch sinh thái cộng đồng góp phần lưu giữ và phát huy những nét văn hóa.

Ngoài các di tích nêu trên, huyện còn có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống, gồm; dân tộc Kinh, Hoa, Khmer và các dân tộc khác. Trong đó dân tộc kinh chiếm phần lớn trên 97,67% dân số của huyện, các dân tộc nói chung đã hoà nhập thành một cộng đồng dân cư đoàn kết, gắn bó, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi dân tộc đều mộ đạo và có tâm linh tín ngưỡng riêng, đặc thù cho dân tộc mình. Nhìn chung tất cả đều có chung mục đích là sống tốt đời, đẹp đạo, các hoạt động của các tổ chức tôn giáo đều tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

I.3. Thực trạng môi trường

Thoại Sơn là vùng đất bán sơn địa của tỉnh An Giang, huyện có cảnh quan khá đặc biệt, vừa có đồng bằng vừa có đồi núi. Tỷ lệ độ che phủ đạt 3,67 % tổng diện tích tự nhiên. Trong những năm qua, môi trường Thoại Sơn chịu không ít những sức ép từ việc phát triển kinh tế - xã hội, mặc dù hiện tại chưa có dấu hiệu ô nhiễm nghiêm trọng, nhưng với những gì đang diễn ra địa phương đang đứng trước những nguy cơ tiềm ẩn về sự ô nhiễm môi trường. Cụ thể là sự tập trung, gia tăng dân số sẽ làm cho lượng rác thải và nước thải ngày càng nhiều hơn; tốc độ đô thị hóa, phương tiện lưu thông ngày càng phát triển trong khi người dân phần lớn chưa ý thức được việc bảo vệ môi trường; quá trình phát triển và mở rộng các khu và cụm công nghiệp, đặc biệt là các nhà máy chế biến nông sản, công ty may mặc... việc nuôi trồng thủy sản ao, hầm với lượng thức ăn dư thừa và tồn dư thuốc bảo vệ thực vật; việc canh tác nông nghiệp lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật; một lượng nước không nhỏ sau những cơn mưa lớn kéo theo cặn bã, rác thải chứa nhiều tạp chất, vi khuẩn gây hại chảy vào sông, kênh, rạch,... Các tiến trình trên sẽ là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự mất cân bằng sinh thái và là nguy cơ làm cho môi trường của huyện bị ô nhiễm nghiêm trọng, nếu trong tương lai địa phương không có biện pháp khắc phục.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.4.1. Thuận lợi

- Với lợi thế nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên, Thoại Sơn là một huyện đặc thù vừa có đồng bằng, sông nước và núi non trùng điệp với nhiều phong cảnh đẹp ẩn chứa khá nhiều truyền thuyết dân gian; huyện lỵ đặt tại thị trấn Núi Sập. Phía Bắc giáp huyện Châu Thành, Tây Bắc giáp huyện Tri Tôn, Đông giáp thành phố Long Xuyên, Nam giáp huyện Thốt Nốt (Cần Thơ), Tây và Tây Nam giáp huyện Tân Hiệp và Hòn Đất (Kiên Giang). Đây là lợi thế trong việc giao thương, trao đổi hàng hóa với các vùng phụ cận và khai thác tiềm năng phát triển du lịch.

- Ngoài những ngọn núi cuối cùng được thiên nhiên ban tặng ở đồng bằng Tây Nam Bộ thì địa hình còn lại của huyện bằng phẳng, đất thuần nông, chịu ảnh hưởng lũ hàng năm của sông Hậu. Các xã phía Đông và Nam đất phù sa màu mỡ, các xã phía Bắc ruộng đất còn nhiễm phèn, đất trền núi trồng cây ăn trái và hoa màu, diện tích nhỏ. Thoại Sơn có hệ thống kênh rạch chằng chịt, dân cư phân bố theo tuyến sông và kênh, tạo nguồn nhân lực cải tạo đất.

1.4.2. Khó khăn

- Địa hình tiếp giáp với tỉnh ven biển có những khó khăn thách thức như xâm nhập mặn gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Nguồn nước ngầm của huyện Thoại Sơn có trữ lượng rất lớn. Tuy nhiên, mức độ nhiễm Asen tương đối cao, cần có những biện pháp khắc phục để nguồn tài nguyên nước ngầm của huyện ngày càng phát huy hiệu quả.

- Độ che phủ đạt thấp 3,67% ảnh hưởng đến môi trường sinh thái chưa thật sự thông thoáng và trong lành.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI

II.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thời gian qua, Thoại Sơn đã đoàn kết, năng động, sáng tạo thực hiện nhiều chủ trương phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần đưa diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên.

Phát huy thế mạnh, tập trung khai thác tốt các nguồn lực; duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh - bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, huyện tập trung phát triển lĩnh vực

nông nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, qua đó chú trọng phát triển chiều sâu, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa mang tính chất công nghiệp, phát triển ổn định và bền vững II.2. Thực trạng phát triển ngành các kinh tế

II.2. Thực trạng phát triển ngành các kinh tế

II.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Những năm gần đây, huyện Thoại Sơn là một trong những huyện đi đầu của tỉnh về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất. Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại giống nông sản có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa 03 vụ/năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, chú trọng phát triển chiều sâu, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa mang tính chất công nghiệp, phát triển ổn định và bền vững. Tổng giá trị sản xuất của ngành nông lâm, thủy sản đạt trên 9.576 tỷ đồng (giá thực tế).

- **Trồng trọt:** Xuống giống 03 vụ lúa được 111.966 ha, chiếm 99% tổng diện tích lúa cả năm; lúa chất lượng cao 62.359 ha (*tăng gần 2.700 ha so với cùng kỳ*); dịch hại gây hại trên lúa với tổng diện tích nhiễm bệnh là 90.242 ha. Tổng diện tích chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu và cây ăn trái vượt so nghị quyết (rau màu 1.807/1.680 ha, cây ăn trái 862/860 ha). Sản lượng lương thực có hạt đạt 758.562 tấn, bình quân đầu người 4.640 kg/người.

- **Chăn nuôi – thủy sản:** Tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 600.859 con (*vượt so nghị quyết*); thả nuôi thủy sản được 508,7 ha (đạt 87% so nghị quyết), đã thu hoạch 301 ha, sản lượng 54.329 tấn.

- **Mô hình công nghệ cao:** Theo dõi 14 mô hình ứng dụng công nghệ cao; đồng thời triển khai Dự án “Xây dựng mô hình sản xuất lúa phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long” năm 2022 với quy mô 50 ha tại xã Bình Thành.

- **Lĩnh vực lâm nghiệp:** Đất lâm nghiệp của huyện Thoại Sơn có diện tích 182,86 ha rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, tập trung chủ yếu ở thị trấn Núi Sập và Óc Eo, có tiềm năng rất lớn về phát triển du lịch sinh thái.

- **Xây dựng Tổ hợp tác - Hợp tác xã (HTX):** Từ đầu năm đến nay, thành lập mới 02 HTX nông nghiệp, nâng tổng số HTX nông nghiệp toàn huyện là 27

HTX gồm 1.269 thành viên (trong đó có 09 HTX gắn kết với Tập đoàn Lộc Trời); có 01 Liên hiệp HTX gồm 08 HTX nông nghiệp là thành viên với vốn điều lệ là 500 triệu đồng gồm: HTX nông nghiệp Thắng Lợi, Hòa Tân, Bình Thành, Sơn Hòa, Vọng Thê, An Bình, Tân Đông, Tây Phú.

- **Chương trình “mỗi xã một sản phẩm”**: Đến nay, trên địa bàn huyện có 10 sản phẩm OCOP đạt 3 Sao; 01 sản phẩm đạt 4 Sao (tranh lá thốt nốt) và 02 sản phẩm đạt 5 Sao (gạo Tiên Nữ và gạo Thiên Vương). Huyện đang hỗ trợ hồ sơ nâng bậc cho sản phẩm OCOP Bưởi da xanh từ 3 Sao lên 4 Sao.

II.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - TTCN

Trong năm 2023, huyện đã phát triển mới 8 cơ sở kinh doanh, lũy tiến nâng tổng số có 778 cơ sở trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đã giải quyết việc làm 7.568 lao động, giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2023 đạt 4.780 tỷ đồng (giá thực tế).

II.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Toại Sơn đã tập trung đa dạng hóa các ngành dịch vụ, phát triển tổng hợp các loại hình, nhất là phát triển mạnh dịch vụ ở nông thôn, dịch vụ gia đình và dịch vụ vãng lai. Đồng thời khai thác lợi thế về vị trí của địa phương trong mối quan hệ mở rộng kinh tế giao lưu hàng hóa đến các khu vực lân cận, tuyến du lịch đi qua để lập dự án hình thành các trung tâm thương mại phục vụ khách du lịch tham quan mua sắm và đáp ứng nhu cầu của người lao động trong cụm công nghiệp. Đến nay có 63 doanh nghiệp phát triển mới (vượt so nghị quyết), nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động là 284 doanh nghiệp và 34 hợp tác xã, thu hút hơn 7300 lao động.

Tổng số hộ kinh doanh cá thể tính đến cuối năm 2022 là 9.941 cơ sở, thu hút hơn 18.200 lao động. Ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 9.660 triệu đồng.

Phát triển du lịch: Đẩy mạnh quảng bá du lịch, giới thiệu đến du khách các địa điểm tham quan trên địa bàn huyện như: Khu du lịch Hồ Ông Thoại, Đình Thoại Ngọc Hầu, Khu Di tích Văn hóa Óc Eo, Thiền viện Trúc Lâm An Giang, Gò cây thị, các vườn sinh thái trên địa bàn huyện,...

Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn huyện phát triển ổn định và diễn ra khá nhộn nhịp. Thiền viện Trúc Lâm An Giang ngày càng thu hút nhiều du khách đến tham quan du lịch, nhất là trong dịp lễ tết. Ước tính trong năm 2023, lưu lượng khách đến tham quan tại huyện trên 250.000 lượt, tăng trên 110.000 lượt so với cùng kỳ. Trong đó, Khu du lịch Hồ Ông Thoại tiếp đón trên 43.000 lượt khách, doanh thu 754 triệu đồng; Thiền viện Trúc Lâm An

Giang trên 200.000 lượt khách; Khu Di tích Văn hóa Óc Eo gần 8.000 lượt khách.

II.3. Dân số, lao động và việc làm

*** Dân số**

Theo niên giám thống kê năm 2022, dân số toàn huyện có 163.589 người, mật độ dân số 347 người/km², tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%. Trong đó số dân thành thị là 41.321 người, chủ yếu tập trung tại 3 thị trấn, chiếm 25,26% dân số huyện, dân số nông thôn là 122.268 người, chiếm 74,74%. Số người trong độ tuổi lao động 96.517, chiếm 59% tổng dân số.

*** Lao động việc làm và thu nhập**

Số lao động trong các cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản là 18.154 người. Trong đó: lĩnh vực công nghiệp - xây dựng là 2.310 người; thương mại - dịch vụ là 14.266 người; ngành khác là 1.578 người.

Từ đầu năm đến nay đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1.843 lao động, đạt 92,1% so nghị quyết (trong đó xuất khẩu 93 lao động, đạt 93% so nghị quyết). Tổ chức được 34 lớp đào tạo nghề (đạt 85% so nghị quyết) với 808 lao động; số lao động có việc làm qua đào tạo chiếm tỷ lệ 64,44% (vượt so chỉ tiêu nghị quyết).

Thu nhập bình quân đầu người khu vực hộ gia đình năm 2023 đạt 68 triệu đồng/người/năm.

II.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

II.4.1. Khu vực đô thị

Hệ thống đô thị của huyện gồm: Thị trấn Núi Sập, Phú Hòa và Óc Eo, trong đó: thị trấn Núi Sập được công nhận là đô thị loại IV theo Quyết định số 13/QĐ-BXD ngày 12/01/2016 của Bộ Xây dựng.

Đối với Chương trình phát triển đô thị 03 thị trấn đến năm 2035: UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Núi Sập; đồng thời, cũng đã phê duyệt hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Óc Eo và Phú Hòa.

II.4.2. Khu vực nông thôn

Thoại Sơn vinh dự trở thành huyện Nông thôn mới từ năm 2018, được Hội kỷ lục Việt Nam trao Bằng xác lập kỷ lục “Huyện đầu tiên trong cả nước đạt 3 danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới và huyện Nông thôn mới; đến nay đang trên hành trình xây dựng huyện Nông thôn mới nâng cao.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của nông thôn diễn ra nhanh chóng, theo định hướng quy hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, hạn chế tình trạng sản xuất tự phát

cục bộ, áp dụng triệt để khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao vai trò quản trị và hoạt động của hợp tác xã và tổ liên kết. Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm theo từng năm.

Về lập mới quy hoạch xây dựng chung của các xã đến năm 2030 (*08 xã NTM nâng cao Vĩnh Chánh, Định Thành, Vĩnh Trạch, Thoại Giang, An Bình, Vọng Đông, Định Mỹ, Vĩnh Phú*): Đang điều tra, thu thập, tổng hợp thông tin từ các ban ngành liên quan và các xã để triển khai thực hiện lập quy hoạch chung xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/5.000 (Quy hoạch xã nông thôn mới).

II.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

II.5.1. Hệ thống giao thông

Mạng lưới giao thông đường bộ của huyện về cơ bản tương đối hoàn thiện, phục vụ tốt nhu cầu giao thương và vận chuyển hàng hóa.

* *Đường bộ quốc gia*: Trên địa bàn huyện hiện chỉ có tuyến Quốc lộ 80 đi qua địa phận xã Phú Thuận dọc theo kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang với chiều dài 1,2km, mặt nhựa 7m, nền rộng 10m, chất lượng trung bình. Tuyến kết nối huyện Thoại Sơn đi Kiên Giang và giao QL91 đi các nơi.

* *Đường tỉnh*: Trên địa bàn huyện hiện có 02 tuyến đường Tỉnh đi qua là ĐT.943 và ĐT.947:

(b1) ĐT.943: Tuyến nối QL.91 tại TP.Long Xuyên - qua Thoại Sơn - đến TT.Tri Tôn (giao ĐT.941) với tổng chiều dài 64,0km, qui mô và chất lượng toàn tuyến chưa đồng bộ.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 37,8km, từ giáp ranh TP.Long Xuyên qua TT.Phú Hòa - TT.Núi Sập - TT.Óc Eo đến giáp ranh huyện Tri Tôn, bao gồm:

- Đoạn từ cầu Phú Hòa - cầu Cống Vong dài 16,1km, hiện đã nâng cấp xong, mặt nhựa rộng 14m, nền rộng 20m;

- Đoạn từ cầu Cống Vong - cầu Thoại Giang dài 1,8km, mặt nhựa 7m, nền 12m, chất lượng tốt;

- Đoạn từ cầu Thoại Giang đến giáp ranh huyện Tri Tôn dài khoảng 20,0km, mặt nhựa 6m, nền 9m, chất lượng tốt.

(b2) ĐT.947: Tuyến nối QL.91 tại cầu Cây Dương (H.Châu Phú) – qua H.Châu Thành – H.Thoại Sơn – đến ranh tỉnh Kiên Giang (nối tiếp ra Quốc lộ 80) với chiều dài 35,0km; Hiện trên tuyến tải trọng của hệ thống cầu không đồng bộ với tải trọng của đường (còn nhiều cầu có tải trọng 1 – 1,5T), hạn chế khả năng lưu thông trên toàn tuyến.

Đoạn đi qua huyện Thoại Sơn dài 18,0 km, từ cầu Kênh Láng (giáp ranh H.Châu Thành) qua xã Tây Phú – An Bình – Vọng Thê đến giáp ranh tỉnh Kiên Giang, mặt nhựa 3,5m, nền rộng 5,5m, chất lượng tuyến trung bình.

* *Đường huyện*: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 12 tuyến đường Huyện, với tổng chiều dài 151,2 km; tỷ lệ bê tông và nhựa hóa chiếm 100%, trong đó: đường nhựa chiếm 36,8% (dài 55,6 km), đường BTXM chiếm 63,2% (dài 95,6 km).

* *Đường xã*: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 130 tuyến đường Xã, với tổng chiều dài 630 km, trong đó: đường nhựa 80,4 km, chiếm 12,8%; đường bê tông xi măng (BTXM) 88,2 km, chiếm 14,0%; và đường cấp phối + đất 461,4 km, chiếm 73,2%. Tổng hợp mạng lưới đường xã hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 86%.

* *Đường đô thị*: Trên địa bàn huyện hiện có tổng cộng 91 tuyến đường Đô thị tại 03 thị trấn (Phú Hòa, Núi Sập, Óc Eo) với tổng chiều dài 50,2 km, trong đó: hầu hết là đường nhựa 45,6 km, chiếm 90,8%; đường cấp phối + đất 4,3 km, chiếm 8,6%; đường bê tông xi măng (BTXM) 0,3 km, chiếm 0,6%. Tổng hợp mạng lưới đường Đô thị hiện đã nhựa hóa và bê tông hóa được 91,4%.

* *Hệ thống bến xe*: Trên địa bàn huyện hiện có 02 bến xe khách:

- Bến xe Núi Sập: Nằm trên đường tỉnh ĐT.943, gần cầu Cống Vong, thị trấn Núi Sập với tổng diện tích 1.815 m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

- Bến xe Óc Eo: Nằm trên đường tỉnh ĐT.943, thị trấn Óc Eo với tổng diện tích 3.329 m² đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5.

- Trên địa bàn huyện chỉ có 01 tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt từ phà An Hòa đến UBND xã Vọng Thê.

II.5.2. Thủy lợi

Toàn huyện có trên 900 km kênh mương với 5 tuyến kênh cấp I, 55 tuyến kênh cấp II và trên 355 tuyến kênh cấp III. Đây là những kênh mương chủ yếu cung cấp nước tưới, tiêu cho nội đồng, cho sinh hoạt và cho sản xuất. Hiện địa phương có 199 trạm bơm điện phục vụ khoảng 80% diện tích, 232 cống hở, 254 cống tròn tương đối hoàn chỉnh chủ động trong việc tưới tiêu và chống lũ hàng

năm. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp có hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng hoàn chỉnh đạt trên 80%.

Hàng năm, hệ thống thủy lợi - thủy nông nội đồng luôn được quan tâm đầu tư cải tạo, nạo vét thường xuyên đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đồng thời để thoát nước lũ trong mùa mưa và cung cấp nước ngọt phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là vào mùa khô. Đặc biệt, huyện đã xây dựng được các tuyến kè chống sạt lở, các tuyến đê bao kết hợp với giao thông nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

II.5.3. Giáo dục và đào tạo

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Đến nay có 46 trường đạt kiểm định chất lượng mức 2 (chuẩn quốc gia mức độ 1) gồm: Mầm non 12, Tiểu học 19, THCS 15. Các trường trong lộ trình kế hoạch đã và đang tiến hành chỉnh trang cảnh quan sư phạm, lập hồ sơ đánh giá, kiểm định chất lượng theo các tiêu chí qui định. Hiện trên địa bàn huyện có 50/67 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 75%. Dự kiến đến cuối 2022 sẽ có thêm 02 trường được công nhận (Mẫu giáo thị trấn Phú Hòa và Mẫu giáo thị trấn Óc Eo).

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,91%, tốt nghiệp THPT đạt 99,34% (giảm 0,47% so với năm 2021).

Tiếp tục duy trì hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn với 05 chương trình học cơ bản: giáo dục pháp luật, giáo dục văn hóa - xã hội, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục bảo vệ sức khỏe, giáo dục phát triển kinh tế.

II.5.4. Y tế

Theo số liệu thống kê năm 2021, toàn huyện có 01 bệnh viện (190 giường), 1 phòng khám khu vực (20 giường) và 17 trạm y tế (170 giường). Số nhân lực ngành y là 355 người, trong đó: Bác sĩ 80 người, y sĩ 107 người, điều dưỡng 70 người, hộ sinh 29 người, kỹ thuật viên Y 6 người, khác 63 người.

Ngành Y tế đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Đến nay, các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân đều thực hiện đạt theo kế hoạch đề ra; trong đó: chỉ tiêu tỷ lệ hộ sử dụng cầu tiêu hợp vệ sinh 97,82% (đạt 99,8% so nghị quyết), tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân đạt 88,89% (đạt 96,7% so nghị quyết). Đồng thời, tiếp tục triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo kế hoạch chung toàn tỉnh.

II.5.5. Văn hóa, thể dục thể thao

Tổ chức các hoạt động Lễ hội văn hóa truyền thống huyện Thoại Sơn lần thứ XXI năm 2022 gắn với kỷ niệm 200 năm Danh thần Thoại Ngọc Hầu dựng bia, lập làng Thoại Sơn. Phối hợp Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh chọn hộ gia đình tham gia hội thao Nam Bộ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại tỉnh Bạc Liêu. Triển khai quy trình hồ sơ hướng dẫn công nhận khóm, ấp văn hóa, xã văn hóa NTM, thị trấn văn minh đô thị, tuyến đường văn minh mỹ quan đô thị.

II.5.6. Bưu chính viễn thông

Triển khai lắp đặt Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) cấp huyện. Tỷ lệ phủ sóng các chương trình phát thanh hằng ngày, tin thời sự,... trên địa bàn huyện luôn được duy trì. Trong 9 tháng đầu năm, đã thực hiện 240 chương trình phát thanh hằng ngày, 2.069 tin thời sự địa phương, 237 bài viết, 264 phóng sự, 48 câu chuyện truyền thanh, cộng tác với Đài Phát thanh Truyền hình An Giang 251 bản tin... Cổng thông tin điện tử của huyện đã đăng 409 tin, bài với số lượt truy cập trên 16.790 lượt; ngoài ra, số lượt truy cập trang mạng xã hội huyện Thoại Sơn đến nay đạt trên 16,4 triệu lượt.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

III.1. Những kết quả đạt được

- Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các Sở, ngành tỉnh, sự chỉ đạo tích cực của Huyện ủy, giám sát của HĐND huyện cùng với sự tích cực điều hành quản lý của nhà nước, sự nỗ lực của các ngành các cấp và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục phát triển ổn định theo chiều hướng tích cực, thực hiện tốt công tác chăm lo sức khỏe cộng đồng, công tác giảm nghèo và an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công được quan tâm kịp thời, đời sống của nhân dân được cải thiện,... Công tác mời gọi đầu tư trên địa bàn huyện từng bước phát huy được hiệu quả.

- Trong 9 tháng đầu năm, huyện Thoại Sơn đã đạt nhiều kết quả nổi bật trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong 20 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, huyện đã thực hiện đạt và vượt 05 chỉ tiêu (*Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; Số lượng doanh nghiệp phát triển mới; Đầu tư xây dựng cầu giao thông nông thôn; Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế; có 14/14 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao*); có 07 chỉ tiêu đạt từ 75% trở lên; 06 chỉ tiêu đạt dưới 75% và 02 chỉ tiêu đến cuối năm mới đánh giá.

III.2. Những hạn chế

Bên cạnh các kết quả tích cực, vẫn còn một số hạn chế như:

- Địa hình của huyện thuộc vùng bán sơn địa, vừa có đồng bằng vừa có đồi núi nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng của huyện thường gặp nhiều khó khăn, thiếu tính đồng bộ.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được địa phương quan tâm đầu tư cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Tiến độ triển khai thực hiện các công trình chậm (Tiến độ thực hiện Kế hoạch Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng hiện hữu bằng đèn led tiên tiến trên địa bàn huyện còn chậm. Chỉ tiêu đào tạo nghề và giải quyết việc làm mặc dù đạt theo tiến độ đề ra nhưng đến nay vẫn chưa được cấp kinh phí thực hiện).

- Tỷ trọng nông nghiệp chiếm phần lớn trong cơ cấu kinh tế, chủ yếu vẫn còn ở quy mô vừa và nhỏ, giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế chưa cao, thiếu ổn định. Các lĩnh vực thế mạnh của huyện chưa được đầu tư đúng mức nên chưa khai thác hết tiềm năng kinh tế, nguồn thu còn nhiều khó khăn chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển ở địa phương. Giá cả các mặt hàng nông, thủy sản thiếu ổn định, thị trường đầu ra đôi lúc gặp khó khăn, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gây khó khăn cho quá trình chuyển dịch cơ cấu nội ngành.

- Số hộ nghèo của huyện vẫn còn nhiều, chiếm 4,31% số hộ của huyện, khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn trong huyện hiện còn khoảng 1,3 lần.

PHẦN II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn đã triển khai công tác thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 cụ thể như sau:

Bảng 1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
			Tăng (+), giảm (-) (ha)		Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7) = (5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.192,30	41.237,87	45,57	100,11
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.708,60	38.756,53	47,93	100,12
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>38.708,60</i>	<i>38.756,53</i>	<i>47,93</i>	<i>100,12</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	132,86	132,37	(0,48)	99,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.541,61	1.541,52	(0,09)	99,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	51,89		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	130,98		100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	513,45	513,28	(0,17)	99,97
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	112,92	111,29	(1,63)	98,56
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.875,35	5.829,78	-45,57	99,22
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21,95	134,62	112,67	613,18
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	15,43		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	11,88	29,20	17,32	245,82
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	19,15	18,81	-0,33	98,27
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,97	88,50	-0,48	99,46
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,90		100,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.258,14	3.115,34	-142,80	95,62

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch năm 2023	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng	Tỷ lệ
	<i>Trong đó:</i>					
	Đất giao thông	DGT	1.589,82	1.458,34	-131,48	91,73
	Đất thủy lợi	DTL	1.523,55	1.517,18	-6,38	99,58
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	2,55		100,00
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,66	7,36	-0,30	96,08
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	60,18	55,88	-4,31	92,85
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,14	5,04	-0,10	98,05
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,78	0,78		100,00
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,39	0,39		100,00
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	14,16	14,16		100,00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,54	2,58	0,04	101,71
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	25,52	25,80	0,28	101,09
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,28	16,51	(0,77)	95,56
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,58	2,58		100,00
	Đất chợ	DCH	5,99	6,20	0,21	103,50
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,49	7,79	0,31	104,09
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.100,46	1.087,79	-12,67	98,85
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	264,23	244,74	-19,49	92,62
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	18,77		100,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,10	0,20	0,10	196,99
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,77	4,57	(0,20)	95,81
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	1.041,11		100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,03	20,03		100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	1,97		100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36,14	36,14		100,00

(Nguồn: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt; Thống kê đất đai năm 2022 và cập nhật các công trình thực hiện năm 2023)

Trên cơ sở thống kê đất đai năm 2022 và kết quả thực hiện các công trình dự án trong năm 2023 của huyện so với các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, kết quả như sau:

I.1. Đất nông nghiệp

- Chỉ tiêu đất nông nghiệp theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 41.192,30 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 41.237,87 ha, còn cao hơn 0,11% so với chỉ tiêu được duyệt; nguyên nhân do các công trình, dự án phi nông nghiệp lấy vào các loại đất nông nghiệp chưa thực hiện.

a. Đất trồng lúa

- Chỉ tiêu đất trồng lúa theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 38.708,60 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 38.756,53 ha, còn cao hơn 0,12% so với chỉ tiêu được duyệt; nguyên nhân do các công trình, dự án phi nông nghiệp lấy vào đất trồng lúa chưa thực hiện.

b. Đất trồng cây hàng năm khác

- Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 132,86 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 132,37 ha đạt 99,64% so với chỉ tiêu được duyệt; chênh lệch 0,48 ha do sai số qua kỳ thống kê 2022.

c. Đất trồng cây lâu năm

- Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 1.541,61 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 1.541,52 ha đạt 99,99 % so với chỉ tiêu được duyệt; chênh lệch 0,09 ha do việc chuyển mục đích của người dân cao hơn so với nhu cầu đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (phần cao hơn này vẫn phù hợp sơ với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phê duyệt).

d. Đất rừng phòng hộ

- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 51,89 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 51,89 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

đ. Đất rừng đặc dụng

- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 130,98 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 130,98 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

e. Đất rừng sản xuất

Trên địa bàn huyện không có chỉ tiêu đất rừng sản xuất

f. Đất nuôi trồng thủy sản

- Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 513,45 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 513,28 ha đạt 99,97% so với chỉ tiêu được duyệt; chênh lệch 0,17 ha do việc chuyển mục đích của người dân cao hơn so với nhu cầu đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (phần cao hơn này vẫn phù hợp sơ với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phê duyệt).

g. Đất nông nghiệp khác

- Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 112,92 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 111,29 ha đạt 98,56% so với chỉ tiêu được duyệt, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022, chênh lệch 1,63 ha là do chưa thực hiện Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn ở Vọng Thê.

I.2. Đất phi nông nghiệp

- Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 5.875,35 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 5.829,78 ha đạt 99,22% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại chưa thực hiện là 45,57 ha.

a. Đất quốc phòng

- Chỉ tiêu đất quốc phòng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 21,95 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 134,62 ha, vượt đến hơn 600% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân là Khu đất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang 112,67 ha đã được cấp giấy CNQSD đất từ năm 2020 là đất Quốc phòng nhưng qua các kỳ thống kê 2020, 2021 chưa được đưa vào chỉ tiêu đất Quốc phòng, đến kỳ thống kê năm 2022 được cập nhật lại cho phù hợp với thực tế. (đã được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 233658, tại số tờ 29,

thừa 575).

b. Đất an ninh

- Chỉ tiêu đất an ninh theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 15,43 ha.

- Kết quả thực hiện năm 2023 là 15,43 ha đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

c. Đất khu công nghiệp

Trên địa bàn huyện không có chỉ tiêu đất khu công nghiệp.

d. Đất cụm công nghiệp

- Chỉ tiêu đất cụm công nghiệp theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 11,88 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 29,2 ha, cao hơn 145,82% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do Cụm công nghiệp Tân Thành (Vọng Thê) đưa ra khai thác chưa thực hiện.

đ. Đất thương mại dịch vụ

- Chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 19,15 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 18,81 ha đạt 98,27% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại chưa thực hiện là 0,33 ha.

e. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 88,97 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 88,50 ha đạt 99,46% so với chỉ tiêu được duyệt còn lại chưa thực hiện là 0,48 ha.

f. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

- Chỉ tiêu đất hoạt động khoáng sản theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 0,9 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 0,9 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

g. Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm

- Trên địa bàn huyện không có chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm

h. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia tỉnh huyện xã

- Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 3.258,14 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 3.115,34 ha đạt 95,62% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại chưa thực hiện là 142,80 ha.

*** Đất giao thông**

- Chỉ tiêu đất giao thông theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 1.589,82 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 1.458,34 ha đạt 91,73% so với chỉ tiêu được duyệt còn lại chưa thực hiện là 131,48 ha, chủ yếu là phần diện tích Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

*** Đất thủy lợi**

- Chỉ tiêu đất thủy lợi theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 1.523,55 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 1.517,18 ha đạt 99,58% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại 6,38 ha chưa thực hiện.

*** Đất xây dựng cơ sở văn hóa**

- Chỉ tiêu đất cơ sở văn hóa theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 2,55 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 2,55 ha đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

*** Đất xây dựng cơ sở y tế**

- Chỉ tiêu đất cơ sở y tế theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 7,66 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 7,36 ha đạt 96,08% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại 0,30 ha chưa thực hiện; Đây là phần diện tích của Trạm y tế xã Tây Phú.

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo**

- Chỉ tiêu đất cơ sở giáo dục - đào tạo theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 60,18 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 55,88 ha đạt 92,85% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại 4,31 ha chưa thực hiện.

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao**

- Chỉ tiêu đất cơ sở thể dục - thể thao theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 5,14 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 5,04 ha đạt 98,05% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại 0,10 ha chưa thực hiện.

*** Đất công trình năng lượng**

- Chỉ tiêu đất công trình năng lượng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 0,78 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 0,78 ha đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

*** Đất công trình bưu chính viễn thông**

- Chỉ tiêu đất công trình bưu chính viễn thông theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 0,39 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 0,39 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

*** Đất có di tích lịch sử - văn hóa**

- Chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 14,16 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 14,16 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

*** Đất bãi thải xử lý chất thải**

- Chỉ tiêu đất bãi thải xử lý chất thải theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 2,54 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 2,58 ha đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt, chênh lệch 0,04 ha là do sai số thống kê.

*** Đất cơ sở tôn giáo**

- Chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 25,52 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 25,80 ha đạt 101,09 % so với chỉ tiêu được duyệt; Nguyên nhân tăng là do cập nhật đất tôn giáo qua kỳ thống kê đất đai năm 2022 tại các địa bàn Núi Sập, Định Thành, Thoại Giang. Thực tế năm 2023, huyện không thực hiện công trình tôn giáo nào.

*** Đất làm nghĩa trang nghĩa địa**

- Chỉ tiêu đất làm nghĩa trang nghĩa địa theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 17,28 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 16,51 ha đạt 95,56% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại chưa thực hiện là 0,77 ha.

*** Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội**

- Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 2,58 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 2,58 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

*** Đất chợ**

- Chỉ tiêu đất chợ theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 5,99 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 6,20 ha vượt 3,50% so với chỉ tiêu được duyệt; Nguyên nhân là do cập nhật Chợ Bình Thành đã thực hiện từ năm 2021 qua kỳ thống kê năm 2022.

i. Đất khu vui chơi giải trí công cộng

- Chỉ tiêu đất khu vui chơi giải trí công cộng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 7,49 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 7,79 ha đạt 104,09% so với chỉ tiêu được duyệt; Nguyên nhân là do cập nhật Công viên Bình Thành đã thực hiện từ năm 2021 qua kỳ thống kê năm 2022.

k. Đất ở tại nông thôn

- Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 1.100,46 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 1.087,79 ha đạt 98,85% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại chưa thực hiện là 12,67 ha.

l. Đất ở tại đô thị

- Chỉ tiêu đất ở tại đô thị theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 264,23 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 244,74 ha đạt 92,62% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại chưa thực hiện là 19,49 ha.

m. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 18,77 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 18,77 ha đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

n. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

- Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 0,1 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021 là 0,20 ha vượt 96,99 % so với chỉ tiêu được duyệt; Nguyên nhân là do sai số qua kỳ thống kê đất đai năm 2022, tại thị trấn Núi Sập.

o. Đất cơ sở tín ngưỡng

- Chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 4,77 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 4,57 ha đạt 95,81% so với chỉ tiêu được duyệt, còn lại 0,20 ha chưa thực hiện; đây là phần diện tích của khu di tích Đá Nổi (Phú Thuận).

p. Đất sông ngòi kênh rạch suối

- Chỉ tiêu đất sông ngòi kênh rạch suối theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 1.041,11 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 1,041,11 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

q. Đất có mặt nước chuyên dùng

- Chỉ tiêu đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 20,03 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 20,03 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

z. Đất phi nông nghiệp khác

- Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp khác theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 1,97 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 1,97 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

I.3. Đất chưa sử dụng

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

- Chỉ tiêu đất chưa sử dụng theo kế hoạch năm 2023 được phê duyệt là 36,14 ha.

- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023 là 36,14 ha đạt 100 % so với chỉ tiêu được duyệt.

I.4. Nhận xét đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2023

- **Đất nông nghiệp:** gồm 07 chỉ tiêu đạt 100,11% trong đó: đất trồng lúa đạt 100,12%; đất trồng cây hàng năm khác 99,64%; đất trồng cây lâu năm đạt 99,99%; đất rừng phòng hộ đạt 100 %; đất rừng đặc dụng đạt 100 %; đất nuôi trồng thủy sản 99,97%; đất nông nghiệp khác đạt 98,56%.

- **Đất phi nông nghiệp:** gồm 33 chỉ tiêu đạt 99,22% trong đó:

Toàn bộ 33/33 chỉ tiêu các loại đất thuộc phi nông nghiệp đều đạt trên 90% trở lên.

Nhìn chung việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả nhất định tỷ lệ đạt rất cao từ 90 % đến 100%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN

II.1. Kết quả thực hiện danh mục dự án có thu hồi đất thực hiện trong năm 2023

Tổng số dự án được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết trong năm kế hoạch 2023 là 19 dự án trong đó: Đã thực hiện: 1/19 dự án đạt tỷ lệ 5,26%; Đang thực hiện: 12/19 dự án đạt tỷ lệ 63,16%; Chưa thực hiện: 6/19 dự án chiếm tỷ lệ 31,58%.

Bảng 2: Tiến độ thực hiện Danh mục dự án có thu hồi đất thực hiện trong năm 2023

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Công ty Cửu Long	Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh	128,90	Đang thực hiện	Nghị quyết số 60/2022/QH15 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đã bồi hoàn được khoảng 30% số hộ. Chuyển tiếp 2024
2	Đầu tư xây dựng Trường	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây	Óc Eo	0,23	Đang thực hiện	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	Đang điều chỉnh thiết kế xây dựng.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
	THPT Vọng Thê	dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang					Chuyển tiếp 2024
3	Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Vĩnh Phú	0,10	Đang thực hiện	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022	Đang thành lập Hội đồng bồi thường. Chuyển tiếp 2024
4	Tuyến đường Kênh E	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Núi Sập	3,33	Đang thực hiện	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2023	Đang thông báo thu hồi đất. Chuyển tiếp 2024
5	Di tích Đá nổi	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Phú Thuận	0,20	Đang thực hiện	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2024	Đang trình Sở VH-TT-DL báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Chuyển tiếp 2024
6	Trạm Y tế xã Tây Phú	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Tây Phú	0,30	Chưa thực hiện, điều chỉnh vị trí	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2025	Đã thỏa thuận được tại vị trí khác. Tuy nhiên Dự án chưa được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm và không phù hợp QHSD đất đã được phê duyệt. Đề xuất chuyển tiếp năm 2024 và thực hiện các thủ tục điều chỉnh vị trí, quy mô dự án sau khi Điều chỉnh

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
							quy hoạch được phê duyệt.
7	Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh An Giang	Định Thành	20.500,0	Chưa thực hiện, hủy bỏ	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	Không thực hiện do chỉ có 7 hộ cần bố trí tái định cư. Huyện đề xuất bố trí trong KDC tiếp giáp chợ kênh F, Định Thành. Hủy bỏ không thực hiện năm 2024
8	Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành	23.000,00	Chưa thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm nhưng chưa có quyết định thu hồi đất (tiền độ: UBND huyện Thoại Sơn đã ban hành thông báo thu hồi đất, đang khảo sát giá đất bồi thường để lập phương án bồi thường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Đã được đăng ký trở lại tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
							Chuyển tiếp 2024
9	Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Thoại Giang	0,8	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang khảo sát giá đất bồi hoàn. Chuyển tiếp 2024
10	Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mạc Cản Dện lớn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Phú Hòa	0,1	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang tổ chức bồi hoàn, còn một số hộ. Chuyển tiếp 2024
11	Trường THCS thị trấn Núi Sập	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Núi Sập	1,53	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang điều chỉnh chủ trương đầu tư (vốn, vị trí, quy mô) Chuyển tiếp 2024
12	Trường THCS thị trấn Phú Hòa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Phú Hòa	1,63	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang điều chỉnh chủ trương đầu tư (vốn, vị trí, quy mô) Chuyển tiếp 2024
13	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Thoại Giang	0,40	Chưa thực hiện, hủy bỏ	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Hủy bỏ, do thiếu vốn bồi hoàn

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
	Tiểu học A Thoại Giang (điểm chính)						
14	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Phú Hòa	0,10	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư (đổi vị trí). Chuyển tiếp 2024
15	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Phú Hòa	0,10	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang xin điều chỉnh chủ trương đầu tư (đổi vị trí). Chuyển tiếp 2024

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
	ấp Phú An						
16	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học A thị trấn Óc Eo (điểm chính) ấp Tân Hiệp A	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Óc Eo	0,30	Chưa thực hiện, hủy bỏ	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Hủy bỏ, do thiếu vốn bồi hoàn
17	Cầu Phú Vĩnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh	Phú Hòa	0,27	Đã hoàn thành	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	
18	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vắn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh	Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê	2,05	Đang thực hiện	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đang thực hiện giải phóng mặt bằng. Chuyên tiếp 2024
19	Trạm Bơm Tân Vọng	UBND huyện	Vọng Thê	1,54	Chưa thực	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND	Khó khăn về nguồn vốn.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện	Số Nghị Quyết	Ghi chú
		Thoại Sơn			hiện, hủy bỏ	ngày 12 tháng 7 năm 2022	Đề xuất không thực hiện 2024

II.2. Kết quả công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2023

Tổng số công trình dự án lũy tiến trong các năm kế hoạch chưa thực hiện là 5 dự án, trong đó:

- Đang thực hiện: 2/5 dự án đạt tỷ lệ 40%.
- Chưa thực hiện: 3/5 dự án chiếm tỷ lệ 60%.
- Tất cả các công trình chưa thực hiện (03 công trình) hủy bỏ, không thực hiện trong năm 2024.

Bảng 3: Tiến độ công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2023

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện dự án đến nay	Số Nghị Quyết	Ghi chú
1	Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn	Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Trường Thịnh	Vọng Thê	1,63	Đang thực hiện		Chuyển tiếp 2024
2	Chợ và khu dân cư Bình Thành	UBND huyện Thoại Sơn	Bình Thành	1,99	Đang thực hiện	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021	Đang mua đất. Chuyển tiếp 2024
3	Nhà máy sản xuất thuốc thú y thủy sản An Mỹ	Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu An Mỹ	Phú Hòa	0,69	Chưa thực hiện, hủy bỏ	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm (Thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020 nhưng chưa có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên chưa được trình hủy bỏ. Không chuyển tiếp 2024

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Tiến độ thực hiện dự án đến nay	Số Nghị Quyết	Ghi chú
4	Khu đô thị thị trấn Phú Hòa 2	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam	Phú Hòa	11,45	Chưa thực hiện, hủy bỏ	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm (Thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020 nhưng chưa có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên chưa được trình hủy bỏ. Không chuyển tiếp 2024
5	Khu đô thị thị trấn Phú Hòa 1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam	Phú Hòa	6,12	Chưa thực hiện, hủy bỏ	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm nhưng chưa có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Đã hủy bỏ tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2023

II.3. Nhận xét kết quả thực hiện dự án

- Việc triển khai thực hiện các công trình dự án đạt tỷ lệ khá cao trên 65% (15/24 dự án) trong đó: có 1/15 dự án đã hoàn thành.

Tuy nhiên số lượng các công trình dự án chưa triển khai thực hiện vẫn còn nhiều (9/24 dự án) trong đó: vốn doanh nghiệp 03 dự án, vốn đầu tư công 6 dự án. Các dự án chưa triển khai đa số thiếu nguồn vốn đầu tư hoặc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

III. KẾT QUẢ KHAI THÁC ĐẤT CÔNG

Tổng số các khu đất đăng ký khai thác được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 26 khu đất, Tuy nhiên hiện nay huyện chưa khai thác được khu nào.

(Chi tiết kết quả thực hiện tại phụ lục số 03)

Nhận xét: Công tác khai thác 26 khu đất công còn chậm tiến độ có chung các nguyên nhân sau đây:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

- Do các khu đất có biến động diện tích phải đo đạc lại, nhất là các vị trí cấp tỉnh lộ 943. Hiện nay, huyện đã tổ chức đo đạc bản đồ địa chính bổ sung; sản phẩm đã hoàn thành công tác đo đạc thực địa, đang trình thẩm định, phê duyệt.

- Công tác lập các thủ tục đưa ra khai thác còn chậm.

- *Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân:*

Bảng 4: Kết quả chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân năm 2023

STT	Địa bàn	Kế hoạch 2023 đã đăng ký	Kết quả thực hiện 2023	Đánh giá
	Tổng số	1,89	7,51	
1	TT Núi Sập	0,57	0,78	Vượt chỉ tiêu đã đăng ký; các vị trí chuyển mục đích phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 đã phê duyệt
2	TT Phú Hòa	0,42	0,33	Phù hợp
3	TT Óc Eo	0,21	0,36	Vượt chỉ tiêu đã đăng ký; các vị trí chuyển mục đích phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 đã phê duyệt
4	Tây Phú	0,02	0,03	
5	An Bình		0,12	
6	Vĩnh Phú		0,17	
7	Vĩnh Trạch	0,29	1,82	
8	Phú Thuận		1,45	
9	Vĩnh Chánh	0,03	0,42	
10	Định Mỹ	0,02	0,21	
11	Định Thành	0,21	0,93	
12	Mỹ Phú Đông		0,05	
13	Vọng Đông	0,02	0,18	
14	Vĩnh Khánh	0,03	0,34	
15	Thoại Giang		0,1	
16	Bình Thành		0,09	
17	Vọng Thê	0,07	0,13	

Ngoài ra, còn có 0,10 ha từ đất lúa chuyển sang đất thương mại dịch vụ (Núi Sập); 0,02 ha đất lúa sang đất sản xuất kinh doanh và 0,4 ha đất lúa sang đất trồng cây lâu năm (Vĩnh Trạch); và 0,06 ha đất lúa sang đất trồng cây lâu năm (Vọng Đông). Các vị trí này không nằm trong Kế hoạch 2023 nhưng phù hợp với QHSĐĐ đến năm 2030 đã phê duyệt.

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG MẶT ĐƯỢC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.

IV.1. Những mặt đạt được

- Việc triển khai thực hiện các công trình dự án đạt tỷ lệ khá cao trên 65% (15/23 dự án) trong đó: có 1/15 dự án đã hoàn thành.

- Kế hoạch sử dụng đất đã xác định cụ thể vị trí quy mô mục đích sử dụng đất phục vụ cho việc đầu tư xây dựng công trình làm cơ sở pháp lý cho các cấp chính quyền trong công tác quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Góp phần đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nguồn thu từ tiền sử dụng đất đảm bảo chỉ tiêu được giao hàng năm.

IV.2. Những tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại nhất định trong quá trình thực hiện cụ thể như sau:

Số lượng các công trình dự án chưa triển khai thực hiện chiếm tỷ lệ tương đối cao 35% (8/23 dự án) trong đó: vốn doanh nghiệp 02 dự án vốn đầu tư công 6 dự án tập trung vào các nguyên nhân sau đây:

- Một số công trình dự án phải thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án mất nhiều thời gian dẫn đến công trình chậm tiến độ.

- Công tác bồi thường giải tỏa và thỏa thuận nhận chuyển nhượng gặp nhiều khó khăn. Do người sử dụng đất không chịu di dời đòi bố trí nhiều suất tái định cư ở một số nơi có hiện tượng đẩy giá đất tăng đột biến trong thời gian ngắn đã ảnh hưởng đến môi trường đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Các dự án đầu tư công chưa triển khai đa số thiếu nguồn vốn đầu tư do chậm bố trí nguồn vốn. Các Doanh nghiệp gặp khó khăn nguồn vốn nên chậm triển khai dự án.

- Các chủ đầu tư dự án hoàn thành thủ tục đầu tư chậm.

- Đối với các dự án kêu gọi đầu tư điều kiện cơ sở hạ tầng chưa thật sự thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp.

PHẦN III

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước và xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện. Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 được tổng hợp và cân đối cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 41.034,78 ha, chiếm 87,11% diện tích đất tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 6.032,86 ha, chiếm 12,81% diện tích đất tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 36,14 ha chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

Bảng 5: So sánh chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 với Quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt.

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt (ha)	Chỉ tiêu xác định thực hiện năm 2024 (ha)	So sánh (3) và (4) (-) giảm; (+) tăng (ha)	Nguyên nhân chênh lệch (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
1	Đất nông nghiệp	41.369,91	40.015,17	41.034,78	1.019,61	
1.1	Đất trồng lúa	38.880,26	36.253,76	38.559,58	2.305,82	Phù hợp, các dự án lấy vào đất lúa chưa thực hiện
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	38.880,26	36.253,76	38.559,58	2.305,82	Phù hợp, các dự án lấy vào đất lúa chưa thực hiện
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	132,86	128,82	132,37	3,56	Phù hợp, các dự án lấy vào đất BHK chưa thực hiện
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1.546,61	2.745,95	1.533,76	-1.212,19	Phù hợp, các dự án chuyển đổi từ đất trồng lúa sang CLN chưa thực hiện
1.4	Đất rừng phòng hộ	51,89	51,89	51,89	-	Giữ nguyên hiện trạng
1.5	Đất rừng đặc dụng	130,98	130,98	130,98	-	Giữ nguyên hiện trạng
1.6	Đất rừng sản xuất		-	-	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	516,03	578,49	513,28	-65,21	Phù hợp, các dự án chuyển đổi từ đất trồng lúa sang NTS chưa thực hiện
1.8	Đất làm muối		-	-	-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	111,29	125,29	112,92	-12,37	Phù hợp, các dự án chuyển đổi từ đất trồng lúa sang NKH chưa thực hiện
2	Đất phi nông nghiệp	5.697,73	7.052,47	6.032,86	-1.019,61	
2.1	Đất quốc phòng	21,95	27,11	134,62	107,51	Tăng do cập nhật diện tích của khu đất tỉnh đội (Bình Thành)

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt (ha)	Chỉ tiêu xác định thực hiện năm 2024 (ha)	So sánh (3) và (4) (-) giảm; (+) tăng (ha)	Nguyên nhân chênh lệch (nếu có)
2.2	Đất an ninh	15,43	15,43	15,43	0,00	Giữ nguyên hiện trạng
2.3	Đất khu công nghiệp					
2.4	Đất cụm công nghiệp	29,20	162,36	11,88	-150,48	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	18,47	108,04	41,31	-66,73	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	89,50	238,62	110,33	-128,30	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	0,90	0,90	0,90	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		-	-	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.9	Đất phát triển hạ tầng	3.116,05	3.834,00	3.251,49	-582,51	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất giao thông	1.453,59	2.056,60	1.591,10	-465,50	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất thủy lợi	1.523,75	1.523,95	1.515,10	-8,85	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2,55	6,35	2,55	-3,80	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	7,36	9,90	7,66	-2,24	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	55,50	68,21	59,58	-8,63	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	5,14	11,87	5,04	-6,83	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất công trình năng lượng	0,78	0,78	1,50	0,72	Tăng so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do phát sinh Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Dự án này đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2023
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,39	0,39	0,39	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng kho lưu trữ quốc gia	-	-	-	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	14,16	84,16	14,16	-70,00	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,49	2,93	2,58	-0,35	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất cơ sở tôn giáo	25,25	33,20	25,80	-7,40	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Loại đất	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt (ha)	Chỉ tiêu xác định thực hiện năm 2024 (ha)	So sánh (3) và (4) (-) giảm; (+) tăng (ha)	Nguyên nhân chênh lệch (nếu có)
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	16,52	17,90	17,26	-0,64	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	2,58	5,78	2,58	-3,20	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
-	Đất chợ	5,99	11,99	6,20	-5,79	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	-	-	-	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	5,80	8,77	7,79	-0,97	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.13	Đất ở tại nông thôn	1.075,20	1.257,87	1.121,17	-136,69	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.14	Đất ở tại đô thị	238,68	307,39	251,08	-56,31	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,77	23,49	18,77	-4,72	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,10	0,10	0,20	0,10	Nguyên nhân do sai số qua kỳ thống kê đất đai năm 2022, tại thị trấn Núi Sập
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	4,57	5,27	4,77	-0,50	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.041,11	1.041,11	1.041,11	-0,01	Phù hợp, do chưa thực hiện hết các dự án
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	20,03	20,03	20,03		Giữ nguyên hiện trạng
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	1,97	1,97	1,97		Giữ nguyên hiện trạng
3	Đất chưa sử dụng	36,14	36,14	36,14		Giữ nguyên hiện trạng

Toàn bộ các chỉ tiêu chuyên mục đích trong năm 2024 đều phù hợp với các chỉ tiêu của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Thoại Sơn. Cụ thể:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

Bảng 6: So sánh chỉ tiêu chuyển mục đích trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 với Quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu cả kỳ quy hoạch được chuyển đổi	Kết quả dự kiến chuyển đổi năm 2024	So sánh sự phù hợp
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.361,74	203,08	Phù hợp Quy hoạch
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1.310,65	195,32	Phù hợp Quy hoạch
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	1.310,65	195,32	Phù hợp Quy hoạch
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	5,30	-	Phù hợp Quy hoạch
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	42,96	7,76	Phù hợp Quy hoạch
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-	-	
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	-	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,83	-	Phù hợp Quy hoạch
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		1.299,59	-	Phù hợp Quy hoạch
	Trong đó:				
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	1.219,30	-	Phù hợp Quy hoạch
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-	-	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	80,29	-	Phù hợp Quy hoạch
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	-	Phù hợp Quy hoạch
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-	-	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	-	-	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp	RDD/NKR(a)	-	-	

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu cả kỳ quy hoạch được chuyển đổi	Kết quả dự kiến chuyển đổi năm 2024	So sánh sự phù hợp
	không phải là rừng				
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	-	-	
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NKR(a)	-	-	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	18,50	17,13	Phù hợp Quy hoạch

Tuy nhiên, khi đối chiếu chi tiết đến từng đơn vị cấp xã, đất trồng lúa và đất cây lâu năm chuyển mục đích tại 3 xã Vĩnh Phú, Định Mỹ và Vĩnh Khánh vượt so với quy hoạch đến năm 2030 được duyệt. Nguyên nhân, do dự án đường cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng hiện nay có sự thay đổi về quy mô và diện tích so với thời điểm Quy hoạch đến năm 2030 được duyệt. Cụ thể:

- Đối với đất trồng lúa tại xã Vĩnh Phú chuyển 28,04 ha (cao hơn quy hoạch 6,70 ha), xã Định Mỹ chuyển 24,61 ha (cao hơn quy hoạch 6,04 ha), xã Vĩnh Khánh chuyển 37,15 ha (cao hơn quy hoạch 29,65 ha).
- Đối với Đất trồng cây lâu năm: tại xã Vĩnh Phú chuyển 0,57 ha (cao hơn quy hoạch 0,57 ha), xã Định Mỹ chuyển 0,53 ha (cao hơn quy hoạch 0,53 ha), xã Vĩnh Khánh chuyển 0,74 ha (cao hơn quy hoạch 0,73 ha).

Bảng 7: So sánh chỉ tiêu chuyển mục đích trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 với Quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Địa bàn	Chỉ tiêu loại đất											
		Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác		Đất trồng cây lâu năm		Đất nuôi trồng thủy sản		Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	
		QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024
	Tổng	1361,74	203,08	1310,65	195,32	5,3		42,96	7,76	2,83		18,5	17,13
1	TT Núi Sập	106,78	10,79	106,78	10,79								
2	TT Phú Hòa	68,95	8,59	66,36	7,88	0,12		2,47	0,71			0,5	0,31
3	TT Óc Eo	118,82	6,09	78,56	3,5	5,01		35,25	2,59				
4	Tây Phú	27,06	3,4	26,94	3,4	0,12							
5	An Bình	17,63	3	17,6	3			0,03					
6	Vĩnh Phú	21,35	28,61	21,34	28,04				0,57	0,01		0,18	
7	Vĩnh Trạch	192,18	8,14	191,38	8,14			0,3		0,5			
8	Phú Thuận	148,21	3,2	145,86	3,2	0,05		0,66		1,64			
9	Vĩnh Chánh	198,9	3,4	197,4	3			1	0,4	0,5			

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Địa bàn	Chỉ tiêu loại đất											
		Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác		Đất trồng cây lâu năm		Đất nuôi trồng thủy sản		Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	
		QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024	QH 2030	KH 2024
10	Định Mỹ	18,57	25,14	18,57	24,61				0,53				
11	Định Thành	116,05	46,9	113,75	44,68			2,3	2,22				
12	Mỹ Phú Đông	6,36	3,19	6,18	3,19					0,18			
13	Vọng Đông	50,89	3	50,04	3			0,85					
14	Vĩnh Khánh	7,51	37,89	7,5	37,15			0,01	0,74				
15	Thoại Giang	182,42	3,75	182,42	3,75								
16	Bình Thành	34,75	4,99	34,67	4,99			0,08					
17	Vọng Thê	45,31	3	45,3	3			0,01				17,82	16,82

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH LĨNH VỰC

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất các năm trước chưa thực hiện hết

Qua kết quả kiểm tra, đối soát các dự án của các ngành, các lĩnh vực đã đăng ký thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong những năm trước đến nay vẫn còn hiệu lực và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và sẽ chuyển sang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có 17 công trình, dự án với tổng quy mô diện tích là 144,24 ha. Chi tiết thể hiện qua bảng sau:

Bảng 8: Các công trình, dự án của kế hoạch các năm trước chưa thực hiện hết

STT	Hạng mục	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (Số Nghị Quyết)
		Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	128,90	- Vĩnh Phú (LUC: 24,84; CLN: 0,53; ONT:0, 53; DTL:0,28) - Định Mỹ (LUC: 21,50; CLN:0, 53; ONT:0,53; DTL: 0,14) - Định Thành (LUC: 38,68; CLN: 2,1; ONT: 2,1 DTL: 0,88) - Vĩnh Khánh (LUC: 34,1.5; CLN: 0,72; ONT: 0,72; DTL: 0,78)	Vĩnh Phú, Định Mỹ, Định Thành, Vĩnh Khánh	Nghị quyết số 60/2022/QH15 về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1
2	Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh	0,58	ONT	Định Thành	

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Hạng mục	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (Số Nghị Quyết)
		Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
	G (Đoạn từ ĐT.943 đến DH.78)				
3	Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê	0,23	(ODT: 0,14) (CLN: 0,09)	Óc Eo	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022
4	Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	0,10	(ONT: 0,06 + CLN: 0,04)	Vĩnh Phú	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022
5	Tuyến đường Kênh E	3,33	(LUC: 3,25) (CLN: 0,08)	Núi Sập	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2023
6	Di tích Đá nôi	0,20	LUC	Phú Thuận	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2024
7	Trạm Y tế xã Tây Phú	0,30	LUC (0,22), CLN (0,02), ONT(0,06)	Tây Phú	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2025
8	Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang	0,72	LUC (0,42), CLN (0,18), ONT(0,12)	Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2023
9	Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang	0,75	LUC	Thoại Giang	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
10	Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến đường Mạc Cần Dền lớn	0,10	0,05 (LUC) (ODT:0,03, CLN: 0,02)	Phú Hòa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
11	Trường THCS thị trấn Núi Sập	1,53	LUC	Núi Sập	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
12	Trường THCS thị trấn Phú Hòa	1,63	LUC	Phú Hòa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
13	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông	0,10	LUC	Phú Hòa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Hạng mục	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (Số Nghị Quyết)
		Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
	mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông				ngày 12/7/2022
14	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An	0,10	LUC	Phú Hòa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
15	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vãn)	2,05	ODT: 0,35; ONT: 1; CLN:0,7	Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
16	Chợ và khu dân cư Bình Thành	1,99	LUC	Bình Thành	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021
17	Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn	1,63	LUC	Vọng Thê	

Trong các dự án trên, hiện nay có (1) dự án Trạm Y tế xã Tây Phú hiện nay đang điều chỉnh chủ trương đầu tư (về vị trí, quy mô). Việc thay đổi này cần phải được thống nhất điều chỉnh của Hội đồng nhân dân tỉnh. Dự án này đã trễ thời gian do danh mục dự án thông qua HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm đã được thống nhất chuẩn bị trình thông qua nên chưa đủ điều kiện để thay đổi các nội dung nêu trên. Dự kiến dự án này sẽ được điều chỉnh trong kỳ họp HĐND tỉnh gần nhất, sau khi Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được phê duyệt.

* Các dự án hủy bỏ:

Bảng 9: Công trình, dự án hủy bỏ năm 2024

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Số Nghị Quyết	Ghi chú
1	Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao	Định Thành	20.500,0	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày	Không thực hiện do chỉ có 7 hộ cần bố trí tái định cư. Huyện đề xuất bố trí trong KDC tiếp giáp chợ kênh F,

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Số Nghị Quyết	Ghi chú
	Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1)	thông và nông nghiệp tỉnh An Giang			30/3/2023	Đình Thành. Hủy bỏ không thực hiện năm 2024
2	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học A Thoại Giang (điểm chính)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Thoại Giang	0,40	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022	Hủy bỏ, do thiếu vốn bồi hoàn
3	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học A thị trấn Óc Eo (điểm chính) ấp Tân Hiệp A	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Óc Eo	0,30	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022	Hủy bỏ, do thiếu vốn bồi hoàn
4	Trạm Bơm Tân Vọng	UBND huyện Thoại Sơn	Vọng Thê	1,54	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022	Khó khăn về nguồn vốn. Đề xuất không thực hiện 2024
5	Nhà máy sản xuất thuốc thú y thủy sản An Mỹ	Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu An Mỹ	Phú Hòa	0,69	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm (Thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020 nhưng chưa có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên chưa được trình hủy bỏ. Không chuyển tiếp 2024
6	Khu đô thị thị trấn Phú Hòa 2	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt	Phú Hòa	11,45	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm (Thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 5/5/2020 nhưng chưa có quyết định

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (ha)	Số Nghị Quyết	Ghi chú
		Nam				cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên chưa được trình hủy bỏ. Không chuyển tiếp 2024
7	Khu đô thị thị trấn Phú Hòa 1	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam	Phú Hòa	6,12	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	Đã hết thời hạn hiệu lực 03 năm nhưng chưa có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Đã hủy bỏ tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2023

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong năm 2024

Qua kết quả rà soát tổng hợp hồ sơ các dự án đăng ký thực hiện trong năm 2024, có 1 dự án đủ điều kiện thực hiện, có thu hồi đất và đã được trình thông qua HĐND tỉnh, chi tiết được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 10: Công trình, dự án đăng ký mới năm 2024

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Xã, thị trấn	Quy mô dự án (m ²)	Cơ sở pháp lý để triển khai dự án	Nguồn vốn
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78)	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Thoại Sơn	Định Thành	5.823,0 (diện tích tăng thêm và thu hồi là 0,05 ha đất ở nông thôn)	Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G	Từ kinh phí chính sách bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn huyện Thoại Sơn theo Thông báo số 451/TB-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện Thoại Sơn

2.3. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

Qua kiểm tra nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong những năm qua để dự báo nhu cầu sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân phân theo từng xã, thị trấn như sau:

Bảng 11: Nhu cầu xin phép chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong kế hoạch sử dụng năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở		Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ		Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	
		Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất
	Tổng số	22		22		22	
1	Núi Sập	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

Stt	Chỉ tiêu	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở		Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ		Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	
		Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất
2	Phú Hòa	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN
3	Óc Eo	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN
4	Tây Phú	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
5	An Bình	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
6	Vĩnh Phú	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
7	Vĩnh Trạch	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN
8	Phú Thuận	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
9	Vĩnh Chánh	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
10	Định Mỹ	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
11	Định Thành	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN	2	LUC, CLN
12	Mỹ Phú Đông	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
13	Vọng Đông	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
14	Vĩnh Khánh	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
15	Thoại Giang	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
16	Bình Thành	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN
17	Vọng Thê	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN	1	LUC, CLN

2.4. Danh mục khai thác các khu đất công trong năm 2024

Trong năm 2024, huyện Thoại Sơn đăng ký khai thác tổng cộng 26 khu đất công với tổng diện tích **113,21** ha; với một số khu có diện tích lớn như Nông trường Công an (Bình Thành) 66,99 ha, Khu du lịch số 1 và Trung tâm Văn hóa huyện (Núi Sập) 9,06 ha,... Đây là các khu đất công chưa thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, được chuyển tiếp sang năm 2024. Danh mục các khu đất đưa ra khai thác được thể hiện chi tiết tại Phụ lục số 10 kèm theo.

III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Trên cơ sở kết quả đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện năm 2024 và các công trình, dự án đăng ký của những năm trước còn hiệu lực, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Huyện Thoại Sơn tổng hợp và cân đối chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp năm 2024 là: 41.034,78 ha, chiếm 87,11% diện tích đất tự nhiên.
- Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2024 là: 6.032,86 ha, chiếm 12,81% diện tích đất tự nhiên.
- Chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng năm 2024 là: 36,14 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

Bảng 12: Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023		Kế hoạch năm 2024		So sánh: tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	DTTN		47.103,78	100,00	47.103,78	100,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.237,87	87,55	41.034,78	87,11	(203,08)
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	38.756,53	82,28	38.559,58	81,86	(196,95)
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	38.756,53	82,28	38.559,58	81,86	(196,95)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	132,37	0,28	132,37	0,28	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.541,52	3,27	1.533,76	3,26	(7,76)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	51,89	0,11	51,89	0,11	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	130,98	0,28	130,98	0,28	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	513,28	1,09	513,28	1,09	-
1.8	Đất làm muối	LMU		-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	111,29	0,24	112,92	0,24	1,63
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.829,78	12,38	6.032,86	12,81	203,08
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	134,62	0,29	134,62	0,29	-
2.2	Đất an ninh	CAN	15,43	0,03	15,43	0,03	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,20	0,06	11,88	0,03	(17,32)
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	18,81	0,04	41,31	0,09	22,50
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	88,50	0,19	110,33	0,23	21,83
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,90	0,01	0,90	0,01	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.115,34	6,61	3.251,49	6,90	136,15
	Trong đó:						
	Đất giao thông	DGT	1.458,34	3,10	1.591,10	3,38	132,76
	Đất thủy lợi	DTL	1.517,18	3,22	1.515,10	3,22	(2,08)
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,55	0,01	2,55	0,01	-
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,36	0,02	7,66	0,02	0,30
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	55,88	0,12	59,58	0,13	3,70

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023		Kế hoạch năm 2024		So sánh: tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,04	0,01	5,04	0,01	-
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,78	0,01	1,50	0,01	0,72
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,39	0,01	0,39	0,01	-
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	14,16	0,03	14,16	0,03	-
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,58	0,01	2,58	0,01	-
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	25,80	0,05	25,80	0,05	-
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	16,51	0,04	17,26	0,04	0,75
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,58	0,01	2,58	0,01	-
	Đất chợ	DCH	6,20	0,01	6,20	0,01	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,79	0,02	7,79	0,02	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.087,79	2,31	1.121,17	2,38	33,38
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	244,74	0,52	251,08	0,53	6,34
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,77	0,04	18,77	0,04	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,20	0,01	0,20	0,01	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,57	0,01	4,77	0,01	0,20
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.041,11	2,21	1.041,11	2,21	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	20,03	0,04	20,03	0,04	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,97	0,01	1,97	0,01	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	36,14	0,08	36,14	0,08	-

3.1. Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp xác định năm 2024

Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp toàn huyện xác định là 41.034,78 ha, chiếm 87,11% diện tích tự nhiên, giảm 203,08 ha so với hiện trạng năm 2023, sang các loại đất phi nông nghiệp. Cụ thể chỉ tiêu từng loại đất trong nhóm đất nông nghiệp năm 2024 như sau:

- Đất trồng lúa: Đến năm 2024, diện tích đất trồng lúa toàn huyện có 38.559,58 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), chiếm 81,86% diện tích tự nhiên, giảm 196,95 ha so với diện tích năm 2023.

Diện tích đất trồng lúa giảm bao gồm sang đất nông nghiệp khác 1,63 ha, đất thương mại dịch vụ 21 ha, đất sản xuất kinh doanh 21 ha, đất giao thông 122,47 ha, đất y tế 0,22 ha, đất giáo dục 3,37 ha, đất năng lượng 0,48 ha, đất nghĩa trang 0,75 ha, đất ở nông thôn 20,33 ha, đất ở đô thị 5,50 ha, đất tín ngưỡng 0,20 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Đến năm 2024, diện tích đất trồng cây hàng năm khác huyện có 132,37 ha, chiếm 0,28% diện tích đất tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

- Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2024, diện tích đất trồng cây lâu năm huyện có 1.533,76 ha, chiếm 3,26% diện tích tự nhiên, giảm 7,76 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023.

Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 7,61 ha bao gồm giảm sang đất thương mại dịch vụ 1 ha, đất sản xuất kinh doanh 1 ha, đất giao thông 3,90 ha, đất giáo dục 0,13 ha, đất năng lượng 0,12 ha, đất ở nông thôn 0,42 ha, đất ở đô thị 1,19 ha.

So với Quy hoạch đến năm 2030 được duyệt (đất cây lâu năm tăng), năm 2024 đất cây lâu năm của huyện giảm và thấp hơn. Nguyên nhân là do huyện chưa thực hiện các dự án chuyển đổi mục đích từ đất trồng lúa sang đất cây lâu năm như vùng cây lâu năm cặp hai bên TL.943, vùng cây lâu năm tại các xã An Bình, Định Mỹ, Vĩnh Khánh, Vọng Thê, vùng cây ăn trái kết hợp tâm linh du lịch Miếu Đá Nổi (Phú Thuận,...)

- Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng lần lượt có diện tích 51,89 ha và 130,98 ha, không thay đổi so với năm 2023.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Đến năm 2024, diện tích đất nuôi trồng thủy sản huyện có 513,28 ha, chiếm 1,09% diện tích tự nhiên, không thay đổi so với diện tích hiện trạng năm 2023.

So với Quy hoạch đến năm 2030 được duyệt (đất nuôi trồng thủy sản tăng), năm 2024 đất nuôi trồng thủy sản của huyện giảm và thấp hơn. Nguyên

nhân là do huyện chưa thực hiện hết các dự án nuôi trồng thủy sản như Vùng nuôi thủy sản Phú Thuận (01 lúa + 01 thủy sản), vùng nuôi ở Tây Phú, Vĩnh Chánh,...

- Đất nông nghiệp khác: Đến năm 2024, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện có 112,92 ha, chiếm 0,24% diện tích tự nhiên, tăng 1,63 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023, từ đất trồng lúa. Diện tích tăng là do thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn (xã Vọng Thê).

3.2. Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp xác định năm 2024

Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp huyện xác định là 6.032,86 ha, chiếm 12,81% diện tích tự nhiên, tăng 203,08 ha so với hiện trạng năm 2023. Cụ thể chỉ tiêu từng loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp năm 2024 như sau:

- Đất quốc phòng: Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng có diện tích 134,62 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,29% diện tích đất tự nhiên.

- Đất an ninh: Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất an ninh có diện tích 15,43 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên.

- Đất cụm công nghiệp: Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất cụm công nghiệp có diện tích 11,88 ha, giảm 17,32 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên. Diện tích giảm do chuyển cụm công nghiệp Tân Thành (Vọng Thê) cũ sang đất ở nông thôn 16,82 ha và đất thương mại dịch vụ 0,50 ha; Cụm công nghiệp Tân Thành sẽ bố trí ở vị trí khác, được thực hiện trong giai đoạn 2025 - 2030.

- Đất thương mại, dịch vụ: Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất thương mại, dịch vụ có diện tích 41,31 ha, chiếm 0,09% diện tích tự nhiên, tăng 22,50 ha so với hiện trạng năm 2023, được lấy từ đất trồng lúa 21 ha, đất cây lâu năm 1 ha và đất cụm công nghiệp 0,50 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 110,33 ha, chiếm 0,23% diện tích đất tự nhiên, tăng 21,83 ha so với hiện trạng năm 2023.

Cụ thể, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 22,14 ha, từ đất trồng lúa 21 ha, đất cây lâu năm 1 ha và đất ở tại đô thị 0,14 ha; đồng thời cũng giảm 0,31 ha sang đất ở đô thị; thực tăng 21,83 ha.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

- Đất phát triển hạ tầng: Đến năm 2024, chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng có diện tích 3.251,49 ha, tăng 136,15 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 6,90% diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

+ Đất giao thông đến năm 2024 có diện tích 1.591,10 ha, tăng 132,76 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 3,38% diện tích đất tự nhiên; lấy từ đất trồng lúa 122,47 ha, đất cây lâu năm 3,90 ha, đất thủy lợi 2,08 ha, đất ở nông thôn 3,93 ha, đất ở đô thị 0,38 ha.

+ Đất thủy lợi đến năm 2024 có diện tích 1.515,10 ha, giảm 2,08 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 3,22% diện tích đất tự nhiên; chuyển sang đất giao thông.

So với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được phê duyệt, đất thủy lợi năm 2024 của huyện thấp hơn 8,85 ha. Qua rà soát, nguyên nhân chủ yếu là phát sinh dự án Đường cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1 có lấy vào đất thủy lợi và sai số qua các kỳ thống kê giai đoạn 2021 – 2022.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2024 có diện tích 2,55 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2024 có diện tích 7,66 ha, tăng 0,30 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên, lấy từ đất trồng lúa 0,22 ha, đất ở nông thôn 0,08 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2024 có diện tích 59,58 ha, tăng 3,70 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,13% diện tích đất tự nhiên, lấy từ đất trồng lúa 3,37 ha, đất cây lâu năm 0,13 ha, đất ở nông thôn 0,06 ha và đất ở đô thị 0,14 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2024 có diện tích 5,04 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất công trình năng lượng đến năm 2024 có diện tích 1,50 ha, tăng 0,72 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên; lấy từ đất trồng lúa 0,48 ha, đất trồng cây lâu năm 0,12 ha và đất ở nông thôn 0,12 ha.

Chỉ tiêu loại đất này tăng so với quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do phát sinh Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Dự án này là công trình cấp bách phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của huyện, đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2023, sẽ cập nhật bổ sung vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông đến năm 2024 có diện tích 0,39 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm chưa đến 0,01% diện tích đất tự nhiên.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa đến năm 2024 có diện tích 14,16 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2024 có diện tích 2,58 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất cơ sở tôn giáo đến năm 2024 có diện tích 25,80 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,05% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đến năm 2024 có diện tích 17,26 ha, tăng 0,75 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên; lấy từ đất trồng lúa.

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội đến năm 2024 có diện tích 2,58 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất chợ đến năm 2024 có diện tích 6,20 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Đến năm 2024 có diện tích 7,79 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở tại nông thôn: Đến năm 2024 có diện tích 1.121,17 ha, tăng 33,38 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 2,38% diện tích tự nhiên.

Cụ thể, đất ở tại nông thôn tăng 37,57 ha, lấy vào đất trồng lúa 20,33 ha, đất trồng cây lâu năm 0,42 ha và đất cụm công nghiệp 16,82 ha; đồng thời giảm 4,19 ha bao gồm sang đất giao thông 3,93 ha, đất y tế 0,08 ha, đất năng lượng 0,12 ha và đất giáo dục 0,06 ha; thực tăng 33,38 ha.

- Đất ở tại đô thị: Đến năm 2024 có diện tích 251,08 ha, tăng 6,34 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,53% diện tích tự nhiên.

Cụ thể, đất ở tại đô thị tăng 7,00 ha, lấy vào đất trồng lúa 5,50 ha, đất trồng cây lâu năm 1,19 ha và đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,31 ha; đồng thời giảm 0,66 ha bao gồm sang đất sản xuất kinh doanh 0,14 ha, đất giao thông 0,38 ha và đất giáo dục 0,14 ha; thực tăng 6,34 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến năm 2024 có diện tích 18,77 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Đến năm 2024 có diện tích 0,20 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến năm 2024 có diện tích 4,77 ha, tăng 0,20 ha so với diện tích năm 2023, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên, lấy vào đất trồng lúa. Dự án thực hiện là di tích đá nổi (Phú Thuận).

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đến năm 2024 có diện tích 1.041,11 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 2,21% diện tích đất tự nhiên.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến năm 2024 có diện tích 20,03 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp khác: Đến năm 2024 có diện tích 1,97 ha, không thay đổi so với diện tích năm 2023, chiếm chưa đến 0,01% diện tích đất tự nhiên.

3.3. Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu sử dụng đất chưa sử dụng xác định năm 2024

Đến năm 2024 diện tích đất chưa sử dụng của huyện có 36,14 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, chiếm 1,07% diện tích tự nhiên.

IV. DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng phải xin phép trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn cụ thể như sau:

*** Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 203,08 ha trong đó:**

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 195,32 ha.

Trong đó, Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp tại xã Bình Thành trong năm 2024 là 4,99 ha (giai đoạn 2021 – 2023, xã Bình Thành đã chuyển 104,04 ha, vượt 69,37 ha so với chỉ tiêu được phê duyệt). Nguyên nhân là Khu đất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang đã được cấp giấy CNQSD đất từ năm 2020 là đất Quốc phòng nhưng qua các kỳ thống kê 2020, 2021 chưa được đưa vào chỉ tiêu đất Quốc phòng, đến kỳ thống kê năm 2022 được cập nhật lại cho phù hợp với thực tế. (đã được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 233658, tại số tờ 29, thửa 575).

Thực tế, giai đoạn 2021 – 2023, xã Bình Thành chỉ thực hiện chuyển đổi **0,30 ha** từ đất trồng lúa sang đất ở nông thôn (hộ bà Huỳnh Thị Hạnh tờ bản đồ số 29, thửa 536 và hộ bà Nguyễn Lê Thúy Hồng tờ 30, thửa 745); đến năm 2024, chuyển thêm **4,99 ha** để thực hiện Chợ và khu dân cư Bình Thành (đã được thông qua tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh) và quỹ đất phát triển đất ở, thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh; Nâng tổng số diện tích chuyển mục đích là **5,29 ha**, phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt (cho phép chuyển 34,67 ha).

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 7,76 ha.

*** Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 17,13 ha.**

V. DIỆN TÍCH CẦN THU HỒI

Diện tích đất cần thu hồi năm 2023 trên địa bàn huyện Thoại Sơn là 136,35 ha.

Trong đó: đất nông nghiệp là 131,64 ha (đất trồng lúa 127,49 ha, đất trồng cây lâu năm 4,15 ha) và đất phi nông nghiệp là 4,71 ha (đất ở tại nông thôn 4,19 ha, đất ở tại đô thị 0,52 ha).

VI. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Năm 2024, diện tích là 36,14 ha, huyện chưa có kế hoạch để khai thác quỹ đất này.

VII. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN

1. Danh mục công trình dự án năm 2024

Bảng 12: Danh mục công trình dự án năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Số Nghị quyết đã được thông qua
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	<i>Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</i>							
1.1	<i>Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</i>							
							
1.2	<i>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</i>							
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất							
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc	128,90		128,90	- Vĩnh Phú (LUC:24,84; CLN: 0,53; ONT:0, 53;	Vĩnh Phú, Định Mỹ,	Nhiều tờ, nhiều thửa	Nghị quyết số 60/2022/QH15 về chủ trương đầu tư Dự án

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Số Nghị quyết đã được thông qua
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	Trăng giai đoạn 1				DTL:0,28) '- Định Mỹ (LUC: 21,50; CLN:0, 53; ONT:0,53; DTL: 0,14) '- Định Thành (LUC: 38,68; CLN: 2,1; ONT: 2,1 DTL: 0,88) '- Vĩnh Khánh (LUC: 34,1.5; CLN: 0,72; ONT: 0,72; DTL: 0,78)	Định Thành, Vĩnh Khánh		đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất							
2	Các công trình, dự án còn lại							
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất							
A	Công trình, dự án thu hồi đăng ký mới 2023							
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến Tây kênh G (Đoạn từ ĐT.943 đến ĐH.78)	0,58	0,53	0,05	ONT	Định Thành	Số tờ: 43, 44, 49, 70; Nhiều thửa	Đang trình HĐND tỉnh thông qua
B	Công trình, dự án thu hồi							

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Số Nghị quyết đã được thông qua
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	<i>chuyển tiếp từ năm 2021 đến 2023</i>							
1	Đầu tư xây dựng Trường THPT Vọng Thê	1,05	0,82	0,23	(ODT: 0,14) (CLN: 0,09)	Óc Eo	Số tờ 20; số thửa 29	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022
2	Trường Tiểu học B Vĩnh Phú điểm chính (Trung Phú 3)	0,36	0,26	0,10	(ONT: 0,06 + CLN: 0,04)	Vĩnh Phú	Số tờ 36; Số thửa 108	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2022
3	Tuyến đường Kênh E	3,33	0,00	3,33	(LUC: 3,25) (CLN: 0,08)	Núi Sập	Số tờ: 93, 94, 95, 98; Số thửa: điểm đầu 93/5, điểm cuối 95/112	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2023
4	Di tích Đá nổi	0,20	0,00	0,20	LUC	Phú Thuận	Số tờ 63; số thửa 160	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2024
5	Trạm Y tế xã Tây Phú	0,30	0,00	0,30	LUC (0,22), CLN (0,02), ONT(0,06)	Tây Phú	Số tờ 19; số thửa 1, 2, 3, 67	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 12/12/2025
6	Đường dây 110kV Tri Tôn - Thoại Sơn, tỉnh An Giang	2,30	1,58	0,72	LUC (0,42), CLN (0,18), ONT(0,12)	Tây Phú, Mỹ Phú Đông, Định Mỹ và Định Thành	Nhiều tờ, nhiều thửa	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 13/7/2023
7	Mở rộng nghĩa trang nhân dân cụm Thoại Giang	0,75	0,00	0,75	LUC	Thoại Giang	Tờ bản đồ số 39; 40, Thửa số 654, 655; 620	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
8	Nâng cấp đoạn tiếp giáp đường số 7 cụm dân cư Phú Hữu đến	0,10	0,00	0,10	0,05 (LUC) (ODT:0,03, CLN: 0,02)	Phú Hòa	Tờ bản đồ số 6; 40, Thửa số 74,	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Số Nghị quyết đã được thông qua
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	đường Mạc Cần Dện lớn						125, 126, 127; 98, 99, 100, 323	
9	Trường THCS thị trấn Núi Sập	1,53	0,00	1,53	LUC	Núi Sập	Tờ bản đồ số 95, Thửa số 24, 33, 34, 35, 127, 133	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
10	Trường THCS thị trấn Phú Hòa	1,63	0,00	1,63	LUC	Phú Hòa	Tờ bản đồ số 1; 7; 41, Thửa số 52, 55 - 60, 64, 65, 99; 144 - 146, 159, 214, 215; 51	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
11	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm chính) ấp Hòa Đông	0,10	0,00	0,10	LUC	Phú Hòa	Tờ bản đồ số 47, Thửa số 25, 27, 28, 29	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
12	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Thoại Sơn. Hạng mục: Xây dựng mở rộng Trường	0,10	0,00	0,10	LUC	Phú Hòa	Tờ bản đồ số 7; 38, Thửa số 105; 188, 190, 191, 192, 375, 388, 402, 404	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Số Nghị quyết đã được thông qua
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
	Tiểu học B thị trấn Phú Hòa (điểm phụ) ấp Phú An							
13	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thuộc đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Vãn)	2,05	0,00	2,05	ODT: 0,35; ONT: 1; CLN:0,7	Thoại Giang, Vọng Đông, Óc Eo, Vọng Thê	Nhiều tờ, nhiều thửa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022
2.3	<i>Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất</i>							
A	<i>Công trình, dự án đăng ký mới 2023</i>							
B	<i>Công trình chuyển tiếp từ năm 2021 đến 2023</i>							
1	Chợ và khu dân cư Bình Thành	4,99	3,00	1,99	LUC	Bình Thành	Tờ bản đồ số 31, Thửa số 641, 670, 673, 691, 692, 697, 698, 989, 995	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021
2	Trang trại chăn nuôi heo thịt huyện Thoại Sơn	1,63		1,63	LUC	Vọng Thê	Tờ 30, thửa 34; tờ 01, thửa 2398	

2. Danh mục khai thác đất công năm 2024

Tổng số khu đất đủ điều kiện đưa ra khai thác là 26 khu, có quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền, mục đích khai thác phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt (*chi tiết tại phụ lục số 10*).

VII. DỰ KIẾN THU CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2024

7.1. Cơ sở pháp lý để tính toán các khoản thu chi liên quan đến đất đai

Việc tính toán các khoản thu chi liên quan đến đất đai trong năm 2024 huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang căn cứ các cơ sở pháp lý sau đây:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất thu tiền thuê đất thuê mặt nước;
- Công văn số 2615/VPUBND-KTTH ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh An Giang về giá thuê đất trong khu công nghiệp;
- Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc Quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang;
- Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh An Giang Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định và Bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang;
- Phương án lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn.

7.2. Phương pháp tính toán

7.2.1. Giá đất tính chi phí bồi thường

- Đối với đất nông nghiệp: giá bồi thường hỗ trợ = giá đất do UBND tỉnh quy định x hệ số 03 lần.

+ Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản được tính bình quân vị trí 1 của các xã và thị trấn là 58.000 đồng/m².

+ Đất trồng cây lâu năm được tính bình quân vị trí 1 của các xã và thị trấn là 73.000 đồng/m².

- Đất ở nông thôn được tính bình quân giá cao nhất của vị trí 1 để làm cơ sở tính bồi thường là 1.500.000 đồng/m².

- Đất ở đô thị được tính bình quân giá cao nhất vị trí 1 để làm cơ sở để tính giá bồi thường là 6.000.000 đồng/m².

- Giá đất sản xuất kinh doanh bằng 60% đất ở đô thị là 3.600.000 đồng.

- Giá đất thương mại dịch vụ bằng 70% đất ở đô thị là 4.200.000 đồng.

7.2.2. Giá đất ở đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thương mại dịch vụ để thu tiền khi giao đất cho thuê đất trên địa bàn huyện được xác định như sau:

*** Đối với vốn doanh nghiệp:** Giá đất được tính bằng giá đất phổ biến sát với giá thị trường

- Giá đất ở nông thôn 2.000.000 đồng/m².

- Giá đất ở tại đô thị 7.000.000 đồng/m².

- Giá đất sản xuất kinh doanh bằng 60% đất ở đô thị 4.200.000 đồng/m².

- Giá đất thương mại dịch vụ bằng 70% đất ở đô thị 4.900.000 đồng/m².

*** Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất**

- Đất ở nông thôn 1.500.000 đồng/m².

- Đất ở đô thị 6.000.000 đồng/m².

- Giá đất sản xuất kinh doanh 3.600.000 đồng.

- Giá đất thương mại dịch vụ 4.200.000 đồng.

7.3. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất

- Tổng chi bồi thường hỗ trợ: 446.681.400.000 đồng.

- Tổng thu gồm: tiền chuyển mục đích khai thác quỹ đất công: 3.888.700.000.000 đồng.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thoại Sơn

- Cân đối thu - chi: 3.442.018.600.000 đồng

Bảng 13: Cân đối thu chi liên quan đến đất đai trong năm 2024

TT	Nội dung	Chi phí bồi thường, hỗ trợ					Nguồn thu					Chênh lệch thu chi tăng (+), giảm (-)
		Tổng	ONT	LUC	CLN	ODT	Tổng	ODT	ONT	SKC	TMD	
1	Nguồn vốn ngân sách TW, tỉnh	285.523					-					(285.523)
	Diện tích (ha)	132,92	4,52	127,82	4,04	0,62	-	-	-	-	-	
	Chi phí (triệu đồng)	285.523	59.700	217.187	8.497	139	-	-	-	-	-	-285.523
2	Nguồn vốn ngân sách cấp huyện	10.026					-					-10.026
	Diện tích (ha)	5,00	0,10	4,90			-	-	-	-	-	
	Chi phí (triệu đồng)	10.026	1.500	8.526	0	0	-	-	-	-	-	-10.026
3	Nguồn vốn ngân sách cấp xã	0,00					-					-
	Diện tích (ha)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí (triệu đồng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất	0,00					2.243.100					2.243.100
	Diện tích (ha)	-	-	-	-	-	63,01	37,75	24,07	0,69	0,50	
	Chi phí (triệu đồng)	-	-	-	-	-	2.243.100	1.278.000	642.900	24.840	297.360	2.243.100
5	Nguồn vốn từ chủ dự án	151.132					1.645.600					1.494.468
	Diện tích (ha)	28,56	6,99	20,11	1,32	0,14	27	18	2	1	7	
	Chi phí (triệu đồng)	151.132	104.850	34.991	2.891	8.400	1.645.600	1.229.900	39.800	28.980	346.920	1.494.468
Tổng diện tích (1+2+3+4+5)		166,48	11,07	149,83	5,20	0,38	99,26	38,87	44,85	1,38	14,16	
Tổng chi phí (1+2+3+4+5)		446.681	166.050	260.704	11.388	8.539	3.888.700	2.507.900	682.700	53.820	644.280	3.442.019

PHẦN IV
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững tăng cường đầu tư cho việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật công nghệ trong sản xuất sản phẩm sạch nhằm tăng giá trị sản xuất. Đa dạng hoá chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường chú trọng xử lý chất thải ở các cụm công nghiệp các cơ sở sản xuất kinh doanh các khu dân cư chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường tránh gây ô nhiễm môi trường. Cần đầu tư nâng cao độ phì đất nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất không khí nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân nắm vững các quy định của pháp luật sử dụng đất đúng mục đích tiết kiệm có hiệu quả bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Đối với các doanh nghiệp khi dự án công trình đã hoàn thiện cần nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh. Khắc phục những ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

II.1. Công tác quản lý và tổ chức thực hiện

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được triển khai kịp thời quá trình tổ chức thực hiện phối hợp chặt chẽ giữa các cấp các ngành và tuân thủ các nguyên tắc căn cứ trình tự nội dung theo quy định của Luật đất Đai. Ủy ban nhân dân huyện công khai lấy ý kiến dự thảo các chỉ tiêu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đến từng địa bàn xã thị trấn;

Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo thống nhất chặt chẽ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn. Có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch kế hoạch sử dụng đất nhất là tại các khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức quản lý giám sát chặt chẽ theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch kế hoạch sử dụng đất trong thu hồi giao đất cho thuê đất chuyển mục đích sử dụng đất; kiên quyết thu hồi đất sử dụng sai mục đích.

II.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện

Tổ chức công bố công khai rộng rãi các chỉ tiêu của Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Thoại Sơn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm tăng cường tính minh bạch trong trao đổi sử dụng thông tin quy hoạch được duyệt tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Khi kế hoạch sử dụng đất được duyệt cần tiến hành ngay công tác bồi hoàn và giải phóng mặt bằng. Đồng thời thực hiện cắm mốc xác định ranh giới sử dụng đất tránh tình trạng sử dụng đất chồng chéo lấn chiếm quỹ đất.

Khoanh định diện tích đất trồng lúa và cắm mốc ranh giới trên thực địa bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp đô thị dịch vụ. Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang các mục đích khác đối với đất trồng lúa có năng suất và đạt hiệu quả kinh tế cao.

III. GIẢI PHÁP VỀ TUYÊN TRUYỀN

Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân nắm vững các quy định của pháp luật sử dụng đất đúng mục đích tiết kiệm có hiệu quả bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền khi thực hiện dự án thu hồi bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng.

IV. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC VỐN ĐẦU TƯ

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất hỗ trợ tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ tập trung không dàn trải có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện huy động nguồn lực đất đai đầu tư bán đấu giá quỹ đất công nhằm tăng nguồn thu ngân sách tạo việc làm phát triển thương mại dịch vụ....

- Vận động nhân dân hiến đất góp vốn xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng dân sinh như: giao thông nông thôn thủy lợi nội đồng các khu vui chơi giải trí.

V. GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

a. Đảm bảo an toàn cho hệ thống công trình thủy lợi công trình phòng tránh thiên tai nhằm chủ động ứng phó với thiên tai có xu hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ.

b. Chống sạt lở bờ sông; đối phó với hiện tượng hạn hán; giải quyết vấn đề tồn thất và thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu.

- Triển khai nhân rộng các mô hình xen canh nông nghiệp phù hợp với điều kiện hạn mặn; mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh và thị trường theo vùng miền.

- Nâng cấp cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và các điểm dân cư tập trung khu công nghiệp khu tái định cư; chống ngập cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển và xây dựng nhà an toàn đối với thiên tai cực đoan khí hậu và nước biển dâng; ứng dụng công nghệ vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị;

- Không quy hoạch bố trí các dự án dân cư ở những nơi có nguy cơ cảnh báo sạt lở trên địa bàn huyện (căn bản ổn định hiện trạng sử dụng đất tại các khu vực này) và tiến tới xây dựng phương án bố trí di dời về nơi an toàn.

- Tích cực chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất cho phù hợp đặc thù của huyện là vẫn giữ được lợi thế về sản xuất lương thực đồng thời phải đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả ngay trong mùa nước nổi.

- Bố trí quy hoạch thành các tiểu vùng gắn với yêu cầu đầu tư thủy lợi để sản xuất 03 vụ 02 vụ các vùng chuyên canh vùng sản xuất nông sản hàng hóa vừa đảm bảo tiêu thụ nội địa vừa đảm bảo yêu cầu xuất khẩu. Nâng dần giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp sao cho cao hơn mức bình quân toàn vùng đồng thời với nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phù hợp với quy hoạch thủy lợi vùng cù lao gắn chặt với phát triển dân cư và giao thông nông thôn thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường trong sử dụng đất đặc biệt đối với các vùng bao đê kiểm soát lũ triệt để.

- Xây mới và nâng cấp các công trình kênh mương điều tiết và hệ thống cấp - thoát nước đô thị.

- Sử dụng nguồn nước khoa học và hợp lý trong sinh hoạt và sản xuất.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

- Trình tự nội dung các bước lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được xây dựng dựa trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức hộ gia đình cá nhân và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 của huyện Thoại Sơn.

- Kế hoạch sử dụng đất là căn cứ pháp lý để thu hồi đất giao đất cho thuê đất chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất của các ngành lĩnh vực các cấp phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực thực hiện.

- Kế hoạch sử dụng đất là công cụ hữu hiệu giúp cho Nhà nước nắm chắc quỹ đất đai và xây dựng chính sách sử dụng đất đai đồng bộ có hiệu quả cao hạn chế sự chòng chẹo trong quản lý đất đai ngăn chặn các hiện tượng chuyển mục đích sử dụng tùy tiện hiện tượng tiêu cực tranh chấp lấn chiếm huỷ hoại đất đai phá vỡ cân bằng sinh thái.

II. KIẾN NGHỊ

- Việc đăng ký danh mục các công trình dự án phụ thuộc vào nguồn vốn thực hiện và chủ trương đầu tư. Vì vậy vào quý 3 hàng năm các Sở Ngành cần sớm đăng ký nguồn vốn để được bố trí vốn thực hiện công trình đồng thời lập thủ tục đầu tư dự án theo quy định nhằm đảm bảo đầy đủ hồ sơ đăng ký nhu cầu sử dụng đất đúng quy định.

- UBND tỉnh các Sở ngành quan tâm hỗ trợ bố trí đủ nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như: giao thông thủy lợi giáo dục y tế văn hóa thể thao...nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện công trình theo kế hoạch. Đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện./.

PHỤ LỤC
